

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG



MỤC LỤC

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	1
I. THÔNG TIN CHUNG.....	2
1. Thông tin khái quát	2
2. Quá trình hình thành và phát triển	2
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.....	3
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	4
5. Định hướng phát triển	5
6. Các rủi ro.....	6
II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	8
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	8
2. Tổ chức và nhân sự	9
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án	10
4. Tình hình tài chính	11
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	11
III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	13
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	13
2. Tình hình tài chính	14
2.1. Tình hình tài sản.....	14
2.2. Tình hình nợ phải trả.....	14
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.....	
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai	14
5. Giải trình của BGĐ với ý kiến kiểm toán	15
IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	15
1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty.....	15
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Ban Giám đốc Công ty.....	16
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:.....	16
V. QUẢN TRỊ CÔNG TY	16
1. Hội đồng quản trị	16
1.1. Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị.....	16
1.2. Hoạt động của Hội Đồng Quản Trị.....	16
1.3. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành.....	19
1.4. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị	19

1.5.	Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm.....	19
2.	Ban kiểm soát.....	19
2.1.	Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát.....	19
2.2.	Hoạt động của Ban Kiểm soát	19
3.	Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát	20
3.1.	Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích	20
3.2.	Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ.....	20
3.3.	Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ	20
3.4.	Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty.....	20
VI.	BÁO CÁO TÀI CHÍNH	20

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa Quý cổ đông, Quý khách hàng, Quý nhà đầu tư

Năm 2015, tình hình kinh tế thế giới tuy chưa thực sự khởi sắc nhưng cũng đã bớt ảm đạm hơn. Nhịp độ tăng trưởng chung của nền kinh tế thế giới vẫn chưa được như mức dự báo. Theo số liệu mới nhất của Ngân hàng Thế giới (WB), tốc độ tăng trưởng toàn cầu năm 2015 là 2,4% , nhưng về cơ bản có thể thấy, những tác động của khủng hoảng tài chính và nợ công đã không còn trầm trọng. Ở trong nước, giá cả trên thị trường thế giới biến động, nhất là giá dầu giảm gây áp lực đến cân đối ngân sách Nhà nước, nhưng đồng thời là yếu tố thuận lợi cho việc giảm chi phí đầu vào, phát triển sản xuất và kích thích tiêu dùng. Về cơ bản nước ta đã đạt được những kết quả quan trọng, trong đó tăng trưởng kinh tế ước đạt 6,68% và lạm phát ở mức thấp 0,6% ở dưới xa mục tiêu 5%, tín dụng tăng vượt chỉ tiêu đạt 18% và nợ xấu giảm dưới mức dự kiến 3%.

Riêng Ngành lương thực, sản xuất lúa gạo vẫn giữ vững và ổn định năng suất, sản lượng dù trong điều kiện thời tiết không thuận lợi, chịu tác động mạnh từ hiện tượng El Nino lan rộng khắp khu vực. Thị trường xuất khẩu năm 2015 cũng gặp nhiều khó khăn hơn so với những năm qua do nhu cầu suy yếu, cạnh tranh gay gắt giữa các nguồn cung cấp, nhưng các doanh nghiệp xuất khẩu gạo đã vượt qua khó khăn, góp phần tiêu thụ hết lúa gạo hàng hóa trong dân và giữ được giá lúa gạo ổn định trong nước.

Tuy nhiên, năm 2015 là năm Công ty CP Lương thực thực phẩm Vĩnh Long còn khó khăn về tài chính, không có vốn hoạt động, kinh doanh với số lượng rất ít, phải gánh chi phí hoạt động, nên kết quả kinh doanh bị lỗ.

Nhận định tình hình hoạt động của Công ty năm 2016 sẽ tiếp tục khó khăn. Vì thế, trách nhiệm của HĐQT và Ban Điều hành Công ty sẽ rất nặng nề. Chúng tôi mong rằng với sự đồng thuận, chia sẻ cảm thông của Quý Cổ đông; HĐQT cùng Ban Tổng Giám đốc sẽ cố gắng thực hiện trọng trách của mình để ổn định lại hoạt động Công ty.

Cuối cùng, thay mặt HĐQT công ty xin gửi lời cảm ơn tới Quý Cổ đông đã luôn đồng hành, động viên chia sẻ những khó khăn và ghi nhận những nỗ lực vượt khó của HĐQT và Ban Điều hành.

Trân trọng kính chào.

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Châu Hiếu Dũng



I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên Công ty: Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Vĩnh Long.
- Tên tiếng Anh: Vinh Long Cereal and Food Import Export Corporation.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: số 1500170900 do Sở Kế hoạch Đầu tư Vĩnh Long cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 18/10/2014.
- Vốn điều lệ: 119.599.820.000 VND (Một trăm mười chín tỷ năm trăm chín mươi chín triệu tám trăm hai mươi ngàn đồng Việt Nam).
- Vốn chủ sở hữu (31/12/2015): 1.448.613.664 đồng.
- Trụ sở chính : 38 Đường 2/9, P.1, TP. Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long.
- Điện thoại: (070) 3822 512 – 3822 516 – 3822 712.- Fax: (070) 3823 773.
- Website: www.vinhlongfood.com.vn. Email: vinhlongfood@hcm.vnn.vn.
- Mã cổ phiếu: VLF.

2. Quá trình hình thành và phát triển

2.1. Quá trình hình thành và phát triển

2.1.1. Ngày thành lập:

Công ty Cổ phần Lương thực thực phẩm Vĩnh long được chuyển đổi từ DNNN sang Công ty cổ phần theo Quyết định số 2204/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 01/08/2006 của Bộ Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn, chính thức đi vào hoạt động vào ngày 29/12/2006, tiền thân là Công ty Lương thực thực phẩm Vĩnh long.

2.1.2. Thời điểm niêm yết:

Ngày 21/12/2010, toàn bộ cổ phiếu của Công ty chính thức được giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP.Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu VLF.

2.1.3 Thời gian các mốc sự kiện quan trọng:

Năm 2007: Công ty chuyển sang Công ty cổ phần với vốn điều lệ ban đầu là 52 tỷ đồng. Cũng trong năm này, Công ty xây dựng hoàn chỉnh vùng kho Xí nghiệp CBLT số 8 (nay là XN mỹ Thới) và Xí nghiệp Bao Bì, 2 Xí nghiệp này chính thức hoạt động từ tháng 4 và 5/2007. Chuyển đổi Xí nghiệp CBLT số 1 thành Xí nghiệp CB Nông sản và mở rộng thêm ngành hàng kinh doanh nông sản các loại từ tháng 8/2007.

Năm 2009: Ngày 22/9/2009, Công ty thực hiện việc phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ thưởng 1:1 để tăng vốn điều lệ từ 52 tỷ đồng lên 104 tỷ đồng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và sự chấp thuận của UBCKNN.

Năm 2010: Ngày 25/10/2010, Công ty triển khai Dự án nhà máy chế biến lương thực xuất khẩu tại huyện Hòn Đất tỉnh Kiên Giang. Dự án được triển khai trên diện tích 78.000 m² với sức chứa lên đến 57.000 tấn. Ngày 12/11/2010 Công ty đã quyết định thành lập Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên lương thực Kiên Nông với vốn điều lệ là 20 tỷ đồng từ Nhà máy chế biến này.

Năm 2011: Ngày 25/8/2011, Công ty được Bộ Công Thương cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh xuất khẩu gạo theo Nghị định số 109 của Chính phủ. Ngày 26/11/2011, Công ty khánh thành Xí nghiệp Tam Bình tại ấp Mỹ Phú 5, xã Tường Lộc, huyện Tam Bình tổng diện tích trên 8.400 m², sức chứa là 12.000 tấn gạo các loại; 2 dây chuyền lau bóng gạo năng suất 16 tấn/giờ, khả năng chế biến gạo các loại trên 70.000 tấn/năm.

Năm 2012: Công ty thực hiện việc tăng vốn từ 104 tỷ đồng lên 119.599.820.000 đồng vào ngày 07/08/2012 bằng hình thức phát hành cổ phiếu để chia cổ tức cho cổ đông với tỷ lệ thực hiện quyền là 20:3.

Ngày 14 tháng 12 năm 2012 tại phiên họp Hội đồng Quản trị lần thứ 5, Hội đồng quản trị đã thống nhất cho Công ty mua Nhà Máy thức ăn thủy sản Domyfeed với tổng trị giá 100.000.000.000 đồng.

2.2. Các thành tích đã đạt được:

Qua 23 năm hình thành, với 20 năm kinh doanh đạt hiệu quả Công ty CP Lương thực thực phẩm Vĩnh Long đã được Chủ tịch nước, Các Bộ ngành, UBND Tỉnh ban tặng nhiều danh hiệu, bằng khen như Huân chương lao động hạng nhất, Bằng khen Doanh nghiệp phát triển đúng hướng và bền vững, tiêu biểu trong phong trào thi đua sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công tác, chấp hành tốt chính sách thuế, Doanh nhân tiêu biểu ĐBSCL, liên tục được Bộ Công thương công nhận Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

3.1 Ngành nghề kinh doanh và sản phẩm chính của Công ty:

- Sản xuất chế biến và kinh doanh lương thực (xuất khẩu và cung ứng gạo các loại):

Công ty có 5 xí nghiệp chế biến gạo xuất khẩu, 01 nhà máy xay xát lúa. Hệ thống kho tàng Công ty có sức chứa gần 86.000 tấn, năng lực sản xuất chế biến 200.000 tấn/năm. Sản phẩm xuất khẩu chính: gạo trắng, gạo lức, gạo thơm, gạo nếp và gạo tám các loại. Thị trường xuất khẩu chủ yếu Châu Á và Châu phi. Ngoài ra, Công ty còn cung ứng xuất khẩu cho các đơn vị trong nước.

- Sản xuất và kinh doanh bao PP các loại:

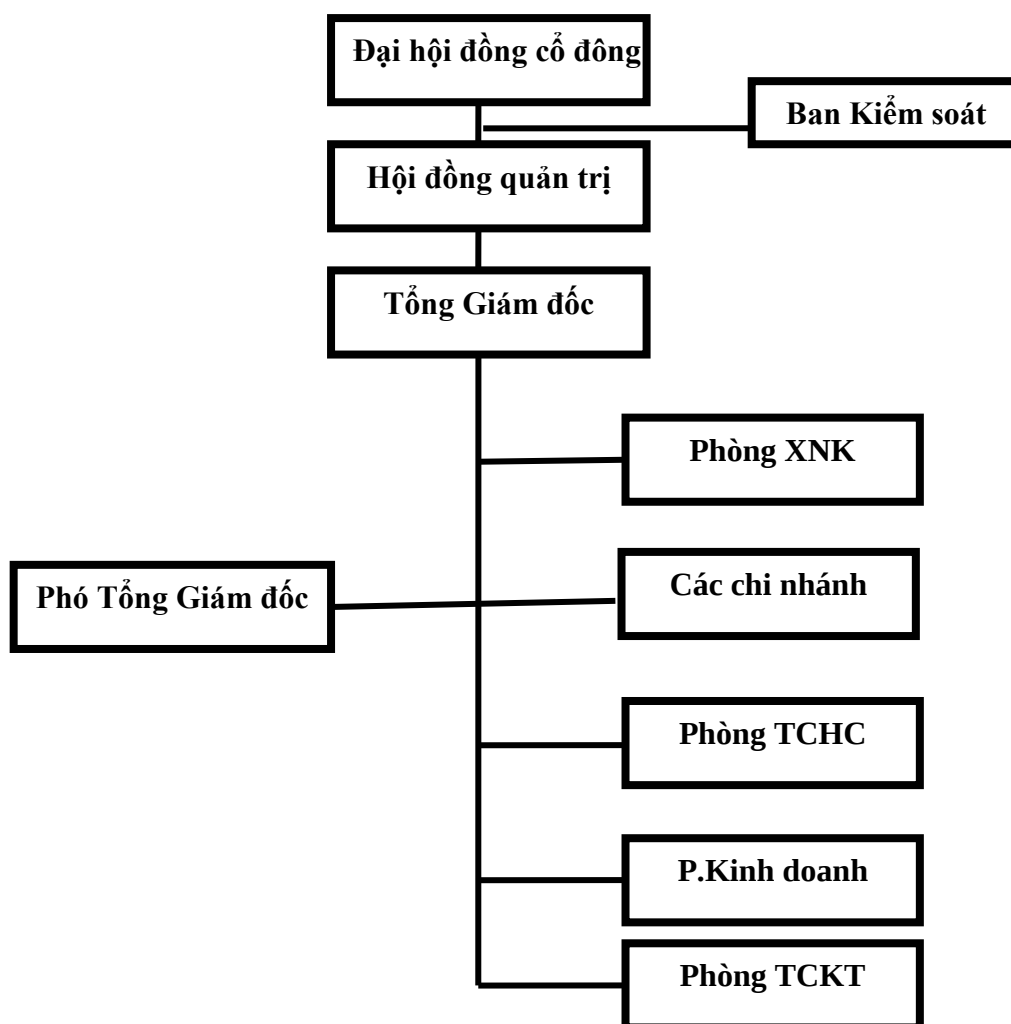
Năng lực máy móc thiết bị của Xí nghiệp Bao bì có khả năng sản xuất 8.000.000 chiếc/năm.

3.2 Địa bàn kinh doanh của Công ty:

- | | |
|------------------------|--|
| 1. Xí nghiệp Phú Lộc | Tổ 1, ấp 3A, xã Phú Lộc, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long |
| 2. Xí nghiệp Tam Bình | Số 18A, tổ 7, ấp Mỹ Phú, xã Tường Lộc, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long |
| 3. Xí nghiệp Bao bì | Ấp Phước Long, xã Lộc Hòa, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long |
| 4. Xí nghiệp Tân Thạnh | Số 242A/1 ấp Thới Khánh, xã Tân Thạnh, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ |
| 5. Xí nghiệp Mỹ Thới | Tổ 7 khóm Thạnh An, Phường Mỹ Thới, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang |
| 6. Xí nghiệp An Bình | Số 89/2 Lộ Vòng Cung, Phường An Bình, Quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ |

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

4.1 Mô hình quản trị và cơ cấu bộ máy quản lý:



4.2 Các công ty con, công ty liên kết

4.2.1 Công ty nắm giữ 100% vốn góp: Không có

4.2.2 Công ty có trên 50% vốn góp:

Tên công ty	Địa chỉ	Ngành kinh doanh chính	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu
Công ty TNHH Lương thực Kiên Nông	Tổ 5, ấp Sur Nam, thị trấn Hòn Đất, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang	Xay xát, sấy và lau bóng gạo xuất khẩu	80 tỷ	60%

4.2.3 Công ty góp vốn liên kết hoặc mua cổ phần:

Tên công ty	Địa chỉ	Ngành kinh doanh chính	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu
Công ty TNHH Thương mại Sài Gòn - Vĩnh Long	26 đường 3/2, Phường 1, Tp.Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long	Thương mại và dịch vụ	20 tỷ	26,25%
Công ty cổ phần Nông Nghiệp Tam Nông	Đường ĐT 844, Xã Phú Cường, Huyện Tam Nông, Tỉnh Đồng Tháp	Sấy, kho tồn trữ, xay xát lúa gạo xuất khẩu	500 tỷ	1,00%
Cty CP Du lịch Sài Gòn – Ninh chữ	Khánh Hải, Ninh Hải, Ninh thuận	Du lịch	87,4 tỷ	5,72%
Nhà máy bia Sài Gòn – Vĩnh long	Thành phố Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long	Sản xuất rượu bia, nước giải khát	150 tỷ	1,00%

5. Định hướng phát triển:

5.1 Các mục tiêu chủ yếu:

- Xác định gạo là mặt hàng kinh doanh chủ lực, tập trung nâng cao năng lực cạnh tranh về chất lượng và giá thành sản phẩm.
- Tăng cường công tác quản trị doanh nghiệp, tiếp tục đổi mới bộ máy và phương thức quản lý, điều hành cho phù hợp với điều kiện và năng lực thực tế.
- củng cố và ổn định tình hình tài chính, nhân sự, ... đảm bảo đủ nguồn lực phục vụ cho hoạt động chính yếu của Công ty.

5.2 Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Chiến lược thị trường:

- + Thị trường trong nước: tập trung khai thác nhu cầu tiêu thụ nội địa để tăng sản lượng bán gạo.
- + Thị trường nước ngoài: tiếp tục củng cố, giữ vững và ổn định các thị trường nhập khẩu gạo chủ yếu của Công ty như: thị trường Châu á và Châu phi; áp dụng các biện pháp thường xuyên như gặp gỡ trực tiếp để trao đổi thông tin, ưu tiên chào hàng, có chính sách về giá phù hợp và cùng hợp tác giải quyết những vấn đề khó khăn để giữ vững mối quan hệ tốt đẹp với khách hàng truyền thống. Định hướng và tập trung khai thác thêm các thị trường tiềm năng bằng cách tổ chức đoàn trực tiếp đi khảo sát, nghiên cứu thị trường.

- Chiến lược sản phẩm và chất lượng sản phẩm:

- + Quy hoạch lại vùng kho có nguồn nguyên liệu dồi dào
- + Tập trung đầu tư thiết bị cho các Xí nghiệp để nâng cao chất lượng, phẩm cấp gạo do Công ty sản xuất, nhằm tăng giá trị và khả năng cạnh tranh trên thị trường.
- + Tăng cường kiểm soát chất lượng gạo từ khâu nguyên liệu đầu vào, bảo quản, dự trữ đến khâu sản xuất chế biến gạo để đạt chất lượng cao.
- + Kết hợp cùng với Sở NN- PTNT và các Sở ban ngành chức năng của các Tỉnh có Xí nghiệp của Công ty quy hoạch vùng lúa chuyên canh, thuần chủng chất lượng để từng bước thực hiện chiến lược thị trường, đáp ứng ngày càng cao nhu cầu khách hàng.

- Chiến lược về tài chính kế toán:

- + Quản lý nguồn vốn chặt chẽ cũng như tăng cường công tác giám sát tổ chức hệ thống kiểm soát nội bộ có hiệu quả nhằm ngăn ngừa mọi rủi ro trong công tác kế toán.
- + Khai thác hiệu quả nguồn ngoại tệ, dự báo tình hình biến động tỷ giá để có chính sách vay và trả nợ VND/USD phù hợp.
- + Xây dựng được hệ thống kế toán quản trị nhằm cung cấp cho Ban Lãnh đạo những thông tin kế toán kịp thời, phục vụ công tác điều hành sản xuất kinh doanh, sử dụng tốt nhất mọi nguồn lực của Công ty.

5.3 Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty

- Xây dựng các biện pháp phòng ngừa rủi ro về tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, phòng chống cháy nổ đảm bảo an toàn trong sản xuất, bảo quản, vận chuyển. Hàng năm các xí nghiệp đều được đánh giá tác động môi trường, đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường ảnh hưởng đến cộng đồng dân cư.
- Đầu tư nâng cấp đổi mới công nghệ nhằm tăng năng suất, chất lượng, giảm tiêu thụ điện, nước và vật tư phục vụ sản xuất, nâng cao năng lực xếp dỡ hàng hóa.

6. Các rủi ro:

6.1. Rủi ro về kinh doanh:

Do đặc thù của Ngành nên trong kinh doanh, Công ty sẽ gặp các rủi ro sau:

- Rủi ro về nguyên liệu đầu vào: nguồn cung mang tính thời vụ và chịu ảnh hưởng bởi yếu tố thời tiết, tác động đến chất lượng, sản lượng và giá cả nguyên liệu đầu vào
- Rủi ro về biến động giá gạo xuất khẩu: nguồn cung dồi dào từ Ấn Độ, Thái Lan ảnh hưởng trực tiếp giá gạo xuất khẩu Việt Nam nói chung và Công ty nói riêng. Sự cạnh tranh không lành mạnh giữa các doanh nghiệp nội địa cùng ngành trong xuất khẩu và thu mua lúa gạo như đầu cơ, ghim hàng chờ giá lên cao, hoặc dìm giá gạo xuống thấp.
- Rủi ro về thị trường tiêu thụ: các thị trường tiêu thụ truyền thống như Philippine, Indonesia, Malaysia giảm nhập khẩu do thực hiện chương trình tự túc lương thực.
- Rủi ro về nguồn vốn hoạt động: Khi lãi suất tăng cao hoặc ngân hàng thắt chặt tín dụng, Công ty sẽ khó khăn trong việc tạo vốn để duy trì và phát triển kinh doanh.
- Rủi ro từ kinh tế và các chính sách của Nhà nước: các yếu tố như tốc độ tăng trưởng kinh tế, lạm phát, mất cân đối cung cầu lương thực trong và ngoài nước... đều tác động đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty. Công ty kinh doanh trong ngành lương thực nên bất kỳ những thay đổi nào từ chính sách Nhà nước đều tác động đến Công ty. Chính sách không ổn định hoặc thiếu độ dài cũng có tác động không nhỏ đến các doanh nghiệp xuất khẩu.

Để quản lý các rủi ro trên, Ban Tổng Giám đốc Công ty phải linh hoạt nhạy bén trong việc nắm bắt và phân tích kỹ thông tin thị trường để đưa ra những quyết sách theo từng thời điểm mua - bán – tồn kho thích hợp để tạo hiệu quả cao nhất.

6.2. Rủi ro ngoại tệ và lãi suất:

- Rủi ro ngoại tệ: là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Sự biến động về tỷ giá sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu xuất khẩu của công ty. Công ty quản lý rủi ro này bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, lựa chọn thời điểm bán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá cao, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

- Rủi ro lãi suất: là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của Công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Sự biến động lãi suất sẽ ảnh hưởng đến chi phí lãi vay, tác động trực tiếp đến chi phí và lợi nhuận. Công ty quản lý rủi ro này bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

6.3. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng. Công ty quản lý rủi ro này bằng cách ban hành quy chế bán hàng, phân công Phòng TCKT thực hiện kiểm tra việc tuân thủ qui chế bán hàng này và theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

6.4. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau. Công ty quản lý rủi ro này bằng cách thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

6.5. Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

1.1 Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh :

STT	Chỉ tiêu	Trị giá (đồng)
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	209.149.657.431
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	-
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	209.149.657.431
4	Giá vốn hàng bán	202.598.540.678
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	6.551.116.753
6	Doanh thu hoạt động tài chính	1.713.033.489
7	Chi phí tài chính	26.391.194.595
	Trong đó: chi phí lãi vay	24.033.576.981
8	Phần lãi hoặc lỗ trong Cty liên doanh, liên kết	5.120.009.774
9	Chi phí bán hàng	11.419.339.484
10	Chi phí quản lý doanh nghiệp	50.787.585.980
11	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(75.213.960.043)
12	Thu nhập khác	5.488.250.932
13	Chi phí khác	4.165.357.630
14	Lợi nhuận khác	1.322.893.302
15	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(73.891.066.741)
16	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-
17	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	168.724.539
18	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(74.059.791.280)
19	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	
20	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	(74.059.791.280)
21	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(6.192)

1.2 Tình hình thực hiện so với kế hoạch :

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2015 (1)	Thực hiện 2015 (2)	Thực hiện 2014 (3)	% so với (2)/(1)	% so với (2)/(3)
1	Sản lượng bán ra						
A	Lương thực(qui gạo)	Tấn	100.000	23.329	76.507	23%	30%
B	Bao bì	Chiếc	6.000.000	-	2.800.281	-	-
C	Thức ăn thủy sản	Tấn	-	-	9.358	-	-
2	Tổng Doanh thu	Tr.đ	1.300.000	209.150	802.545	16%	26%
3	Lãi/-Lỗ trước thuế	Tr.đ	3.500	-73.891	- 59.588		23%

1.3 Phân tích kết quả:

- Năm 2015, các chỉ tiêu về sản lượng bán ra và doanh thu không đạt so với kế hoạch đề ra và giảm mạnh so với cùng kỳ năm 2014. Nguyên nhân là do Công ty gặp khó khăn về tài chính, chỉ hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm 2015 với số lượng rất ít nên không đủ bù chi phí, 6 tháng cuối năm 2016 không hoạt động phải gánh chi phí.

- Lợi nhuận trước thuế âm 73.891 triệu đồng do bán Nhà máy TATS Domyfeed lỗ 28,62 tỷ đồng, trích dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi 33,28 tỷ đồng, năm 2016 không có vốn hoạt động chỉ kinh doanh với sản lượng ít trong 6 tháng đầu năm 2015 nên không đủ bù chi phí, 6 tháng cuối năm không hoạt động phải gánh các chi phí.

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Danh sách ban điều hành

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Trần Thanh Hùng	Tổng Giám đốc	Ngày 13 tháng 10 năm 2014
Ông Nguyễn Văn Hồ	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 11 tháng 03 năm 2010
Ông Phan Ngọc Bình	Kế toán trưởng	Ngày 29 tháng 12 năm 2006

Tóm tắt lý lịch của Ban Tổng Giám đốc

Ông **TRẦN THANH HÙNG** : Tổng Giám đốc

Năm sinh : 1965

Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế - Kế toán tổng hợp

Sở hữu cá nhân (24/01/2014) : 0 cổ phiếu

Ông **NGUYỄN VĂN HỒ** : Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh : 1966

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế Ngành QTKD

Sở hữu cá nhân (24/01/2014) : 0 cổ phiếu

Ông **PHAN NGỌC BÌNH** : Kế toán trưởng

Năm sinh : 1975

Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế TCKT

Sở hữu cá nhân (24/01/2014) : 3.601 cổ phiếu

2.2. Những thay đổi trong ban điều hành

Năm 2015, Công ty có sự thay đổi trong Ban điều hành như sau: HĐQT chấp thuận đơn xin nghỉ việc của Ông Nguyễn Ngọc Vinh – Phó Tổng Giám đốc Công ty kể từ ngày 1/10/2015 theo Nghị quyết số 26/NQ-HĐQT ngày 29/9/2015. Ban Điều Hành

2.3 Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động

2.3.1 Số lượng cán bộ, nhân viên:

- Tổng số lao động tại thời điểm 1/1/2015	163 người
Tăng trong kỳ	0 người
Giảm trong kỳ	106 người
- Tổng hiện có của Công ty là	57 người.

2.3.2 Trình độ chuyên môn:

Phân loại theo trình độ học vấn	Tổng số lao động	Tỷ lệ
Đại Học	35	62%
Cao đẳng	03	5%
Trung cấp	12	21%
Lao động phổ thông	07	12%
Tổng	57	-

2.3.3 Chính sách đối với người lao động :

- **Chế độ lương:** Công ty trả lương cho người lao động theo hệ số công việc với từng vị trí/chức danh công việc. Năm 2015, mặc dù tình hình hoạt động Công ty gặp nhiều khó khăn nhưng Công ty vẫn đảm bảo chi trả tiền lương cho người lao động đầy đủ kịp thời, thu nhập bình quân trong năm ở mức 6 triệu đồng/người/tháng.

- **Bảo hiểm và phúc lợi :**

+ Tham gia đầy đủ chế độ bảo hiểm theo quy định cho tất cả người lao động.
+ Tổ chức khám sức khỏe định kỳ, trợ cấp ốm đau, hoàn cảnh khó khăn cho người lao động.

+ Trang bị đồng phục phương tiện bảo hộ lao động
+ Khen thưởng thành tích học giỏi đối với con của người lao động.
+ Đầu tư nâng cấp cải thiện cơ sở vật chất, phương tiện, môi trường làm việc và nghỉ ngơi cho người lao động.

+ Có các chế độ phụ cấp cho nhân viên, đặc biệt là các công nhân ở các xí nghiệp sản xuất như: phụ cấp độc hại, phụ cấp trách nhiệm....

2.3.4 Chính sách đào tạo nguồn nhân lực:

- Đào tạo nguồn nhân lực: Tập trung đào tạo chiều sâu về quản lý điều hành và chuyên môn nghiệp vụ cho người lao động.

- Công ty thực hiện tuyển dụng đúng người cho đúng vị trí, tránh dư thừa nguồn nhân lực, cũng như đảm bảo đáp ứng nhu cầu thực tế của công ty.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

3.1. Các khoản đầu tư lớn

Với năng lực hiện tại, đánh giá và dự báo nhu cầu thị trường về sản phẩm của Công ty sẽ không tăng, Công ty không chủ trương mở rộng hoạt động kinh doanh nên không phát sinh khoản đầu tư lớn.

3.2. Các công ty con, công ty liên kết

3.2.1 Công ty TNHH LT Kiên Nông

- | | |
|-------------------------|--|
| - Ngày thành lập | : Tháng 11/2011 |
| - Địa điểm | : Thị trấn Hòn Đất, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang |
| - Vốn điều lệ | : 80 tỷ đồng |
| - Tỷ lệ nắm giữ | : 60% |
| - Tiến độ xây dựng | : đã hoàn thành việc san lấp mặt bằng và hệ thống trạm điện. |
| - Tổng tài sản năm 2015 | : 7.937.668.091 đồng |
| - Vốn chủ sở hữu 2015 | : 7.937.668.091 đồng |

3.2.2 Công ty TNHH Thương mại Sài Gòn – Vĩnh Long (liên kết)

- | | |
|------------------------|------------------------|
| - Ngày thành lập | : Tháng 3/2004 |
| - Vốn điều lệ | : 20 tỷ đồng |
| - Tỷ lệ nắm giữ | : 26,25% |
| - Một số chỉ tiêu 2015 | |
| + Tổng Tài sản | : 65.362.624.495 đồng |
| + Vốn chủ sở hữu | : 41.852.430.698 đồng |
| + Doanh thu thuần | : 409.449.769.184 đồng |
| + Lợi nhuận trước thuế | : 25.125.227.321 đồng |
| + Lợi nhuận sau thuế | : 19.508.418.187 đồng |

4. Tình hình tài chính

4.1. Tình hình tài chính

Stt	Chỉ tiêu	2014	2015	%(+tăng/-giảm)
1	Tổng giá trị tài sản	353.037.088.201	193.295.506.127	-45%
2	Doanh thu thuần	802.544.542.893	209.149.657.431	-74%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(80.570.908.055)	(75.213.960.043)	-07%
4	Lợi nhuận khác	20.982.554.690	1.322.893.302	-94%
5	Lãi/lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	5.016.263.426	5.120.009.774	02%
6	Lợi nhuận trước thuế	(59.588.353.365)	(73.891.066.741)	+24%
7	Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	(63.630.110.833)	(74.059.791.280)	+16%
8	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	N/A	N/A	-

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	2014	2015
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
- Hệ số thanh toán ngắn hạn (lần)	0,62	0,05
- Hệ số thanh toán nhanh (lần)	0,59	0,02
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
- Hệ số nợ/Tổng tài sản (lần)	0,75	0,99
- Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu (lần)	3,01	132,43
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
- Vòng quay hàng tồn kho (lần)	10,02	37,10
- Vòng quay tổng tài sản (lần)	1,30	0,77
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
- Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	5,87%	35,41%
- Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	-51,12%	5.112,46%
- Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	-12,74%	38,31%
- Lợi nhuận thuần từ HĐKD/Doanh thu thuần	-10,66%	38,41%

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1. Cổ phần

- ✓ Tổng số cổ phần đã phát hành: 11.959.982 cổ phần
- ✓ Loại cổ phần đã phát hành: cổ phần phổ thông
- ✓ Cổ phần tự do chuyển nhượng: 11.959.982 cổ phần

5.2. Cơ cấu cổ đông

* Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 31/12/2015:

Stt	Cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ đông
1	Cổ đông Nhà nước	4.784.000	40,00%	1
2	Cá nhân	3.675.809	30,73%	245
2.1	- Trong nước	3.576.262	29,90%	237
	+ Cổ đông lớn	611.800	5,12%	1
	+ Cổ đông nhỏ	2.964.462	24,79%	236
2.2	- Ngoài nước	99.547	0,83%	8
	+ Cổ đông nhỏ	99.547	0,83%	8
3	Tổ chức	3.500.173	29,27%	13
3.1	- Trong nước	3.366.201	28,15%	9
	+ Cổ đông lớn	2.792.864	23,35%	1
	+ Cổ đông nhỏ	573.337	4,79%	8
3.2	- Ngoài nước	133.972	1,12%	4
	+ Cổ đông lớn	-	0,00%	0
	+ Cổ đông nhỏ	133.972	1,12%	4
Tổng cộng		11.959.982	100,00%	259

+ Cổ đông Nhà nước

CÔNG TY TNHH MTV TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ: Số 42 Chu Mạnh Trinh. P.Bến Nghé. Quận 1. TP. HCM

Điện thoại: (84-8) 38 292 342 Fax: (84-8) 38 298 001

Email: vsfc@fmail.vnn.vn Website: <http://www.vinafood2.com>

+ Danh sách cổ đông lớn

STT	Tên Cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ
1	Tổng Công ty Lương thực Miền Nam	42 Chu Mạnh Trinh. TPHCM	4.784.000	40.00 %
2	CTCP Đầu tư và Phát triển Nguyễn Kim	1-5 Trần Hưng Đạo. Q 1. TP.HCM	2.792.864	23.35 %
3	Nguyễn Thị Tuyết Minh	153/4 Võ Văn Tần, P6, Q3 TPHCM	611.800	5,12%
Tổng cộng			8.188.664	68,47%

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Trong năm Công ty không phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ.

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ:

Trong năm Công ty không có giao dịch cổ phiếu quỹ.

5.5. Các chứng khoán khác:

Công ty không có chứng khoán khác. Công ty không có các cam kết chưa thực hiện liên quan đến việc phát hành chứng khoán đến thời điểm hiện tại.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2015:

Năm 2015, ngành lương thực có những đặc điểm tình hình chung như sau :

- Sản lượng lúa cả nước ước đạt 45,2 triệu tấn tăng 240,9 ngàn tấn so với năm 2014 do diện tích gieo trồng ước tính đạt 7,8 triệu ha, tăng 18,7 ngàn ha, năng suất đạt 57,7 tấn/ha.

- Theo báo cáo của Hiệp Hội Lương thực Việt Nam, năm 2015 cả nước xuất khẩu đạt 6,568 triệu tấn, kim ngạch đạt 2,680 tỷ USD (FOB), giá xuất khẩu bình quân 407,97 USD/MT. So với cùng kỳ năm 2014 tăng 4% về số lượng, giảm 3,94% về trị giá, giá bình quân giảm 33,7 USD/MT. Hợp đồng tập trung 2 triệu tấn chiếm 30,44%, hợp đồng thương mại 4,568 triệu tấn chiếm 69,56%. Xuất khẩu gạo chính thức của Việt Nam năm 2015 được xếp thứ ba sau Ấn độ và Thái lan.

- Thị trường xuất khẩu so với năm 2014 không có sự thay đổi nhiều, thị trường châu Á chiếm tỷ trọng 74,5%; Châu phi chiếm 13,77% ; châu mỹ chiếm 6,72% ; còn lại thị trường châu âu, châu úc, Trung đông chiếm tỷ trọng nhỏ do dung lượng thị trường và nhu cầu các loại gạo đặc thù.

- Chất lượng gạo so với năm 2014 : gạo 5% tẩm tăng nhiều do nhu cầu tăng từ Cuba, Philippines, Malaysia, Indonesia và Trung Quốc ; gạo 15% tẩm giảm mạnh do sự thay đổi chất lượng nhập khẩu gạo 5% thay cho gạo 15% ; Gạo 25% tẩm tăng do nhu cầu từ philippines. Gạo thơm tiếp tục tăng mạnh sau khi có sự phát triển trong năm 2014 do sản lượng tăng, giá cạnh tranh và đáp ứng nhu cầu tiêu thụ thị trường. Chỉ có Nếp giảm đáng kể và tẩm tăng mạnh do nhu cầu từ Trung Quốc.

- Giá gạo xuất khẩu : Năm 2015, giá gạo xuất khẩu 5% tẩm biến động giảm so với năm 2014 từ 50-75 USD/MT., liên tiếp 2 năm giảm từ mức cao nhất 465 USD/MT xuống mức thấp nhất 330 USD/MT, chênh lệch 135 USD/MT. Riêng gạo thơm Jasmine 5% tẩm biến động tăng giảm trong khoảng 520 – 445 USD/MT giá cao nhất trong tháng 1 và thấp nhất trong tháng 12. Nếp biến động trong khoảng 490 – 460 USD/MT.

- Giá gạo trong nước : do giá xuất khẩu giảm nên giá lúa gạo trong nước cũng sút giảm theo nhưng vẫn ổn định và không biến động nhiều như giá xuất khẩu do thực hiện mua tạm trữ lúa gạo vụ Đông xuân và kết hợp thực hiện các hợp đồng tập trung philippines. Giá bình quân lúa thường tại kho trong năm 2015 giảm khoảng 335 đồng/kg so với năm 2014, lúa thơm và hạt dài giảm bình quân 355 đồng /kg.

Với những biến động chung của Ngành như đã phân tích trên, hoạt động kinh doanh của VinhlongFood còn có những khó khăn riêng do nợ phải thu phải trả còn nhiều, không có vốn hoạt động, nên kết quả đạt được rất thấp , cụ thể như sau:

Năm 2015 Công ty xuất khẩu đạt 10.260 tấn so với cùng kỳ năm trước giảm 70%, chỉ đạt 17% kế hoạch đề ra; kim ngạch xuất khẩu 3.741.942 USD so với cùng kỳ giảm 75%; giá gạo xuất khẩu giá xuất khẩu bình quân của Công ty trong năm 365 USD/MT giảm 75 USD/MT so với năm 2014. Trong năm, Công ty tiêu thụ nội địa và cung ứng xuất khẩu đạt 13.069 tấn so với cùng kỳ năm 2014 đạt 31%, so với kế hoạch đạt 32%. Nguyên nhân do năm 2015, Công ty gặp khó khăn về tài chính, không có vốn hoạt động, chỉ hoạt động SXKD

6 tháng đầu năm với số lượng rất ít, nên không đủ bù chi phí; 6 tháng cuối năm do không hoạt động, phải gánh chi phí quản lý, lãi vay ngân hàng; đồng thời bán Nhà máy thức ăn thủy sản lỗ 28,62 tỷ đồng, phải trích dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi là 33,28 tỷ đồng, làm tăng chi phí quản lý doanh nghiệp, giảm kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, nên lợi nhuận trước thuế âm 73,89 tỷ đồng.

2. Tình hình tài chính

2.1. Tình hình tài sản

Tổng tài sản của Công ty cuối năm 2015 là 193.295.506.127 đồng giảm 159.741.582.074 đồng so với năm 2014 (giảm 45,25%) trong đó tài sản ngắn hạn giảm 58.277.385.943 đồng (giảm 39,6%) và tài sản dài hạn giảm 101.464.196.131 đồng (giảm 49,3%)

Nguyên nhân tài sản ngắn hạn giảm là do tiền gửi ngắn hạn, hàng tồn kho giảm, trích dự phòng các khoản nợ khó đòi. Tài sản dài hạn giảm là do trong năm Công ty thanh lý các tài sản cố định không cần dùng để trả nợ Ngân hàng.

2.2. Tình hình nợ phải trả

Nợ phải trả năm 2015 trên BCTC hợp nhất là 191.846.892.463 đồng giảm 85.649.541.502 đồng so với năm 2014 (giảm 30,9%). Trong đó nợ ngắn hạn giảm 44.638.174.7764 đồng. Nguyên nhân là do nợ vay ngắn hạn giảm.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

- Định biên bộ máy tổ chức tập trung vào ngành hàng chính là kinh doanh gạo.
- Phân quyền cho Phó Tổng Giám đốc để đảm bảo tính hiệu quả, sâu sát và nhanh chóng trong việc triển khai các công việc .
- Điều chỉnh, bổ sung các qui định, nội qui nội bộ cho phù hợp với tình hình thực tế của Công ty.

4. Kế hoạch SXKD năm 2016:

4.1 Nhận định tình hình :

Theo báo cáo Hiệp Hội Lương thực Việt Nam, tình hình thị trường gạo thế giới năm 2016 được đánh giá qua các yếu tố sau :

- Nguồn cung cấp quan trọng nhất sẽ ảnh hưởng đến thị trường gạo thế giới năm 2016 là Thái Lan và Ấn độ.

+ Thái Lan : Năm 2016, dự báo sản lượng gạo xuống mức thấp nhất chỉ đạt 16,4 triệu tấn gạo xay xát từ mức 18,75 triệu tấn trong năm 2015. Tuy nhiên tồn kho chính phủ vẫn còn 13 triệu tấn, sẽ là nguồn cung cấp dồi dào bù đắp sản lượng sụt giảm và duy trì xuất khẩu ở mức cao, dự kiến 9 triệu tấn năm 2016.

+ Ấn độ : sản lượng còn tùy thuộc vào thời tiết và mối tương quan với tồn kho lúa mì còn lớn.

- Về tiêu thụ : cần theo dõi sát tác động của El Nino, được xem như mạnh nhất trong vòng 50 năm, ảnh hưởng sản xuất và tăng nhu cầu nhập khẩu ở các nước tiêu thụ gạo chính là Trung quốc, Philippines, Indonesia, Malaysia và Châu phi. Dự báo các nước Châu Á sẽ nhập khẩu nhiều hơn nhưng Châu phi tùy thuộc vào khả năng tài chính, thanh toán và sức mua của người tiêu thụ.

4.2 Mục tiêu SXKD:

Trên cơ sở phân tích tình hình thị trường ; điều kiện và khả năng thực tế, Công ty đề ra mục tiêu SXKD năm 2016 như sau :

- Kinh doanh lương thực 35.000 tấn gạo (trong đó: xuất khẩu 15.000 tấn, bán nội địa 20.000 tấn).
- Tổng Doanh thu đạt 350 tỷ đồng
- Lợi nhuận đạt 1 tỷ đồng.
- Tiếp tục củng cố tình hình tài chính, tăng cường thu hồi các khoản đầu tư, công nợ còn tồn đọng, thanh lý các tài sản không dùng để bổ sung nguồn vốn cho hoạt động chủ yếu của Công ty.

4.3 Kế hoạch thực hiện:

4.3.1 Về kinh doanh :

- Duy trì và phát triển thị phần trong nhóm khách hàng cũ trên cơ sở tính toán giá thành chào giá cạnh tranh và nâng cao chất lượng sản phẩm.
- Cải tiến cung cách kinh doanh theo hướng năng động và linh hoạt hơn để tăng cường phát triển thêm khách hàng và thị trường mới.
- Nghiên cứu thị trường, thu thập và xử lý thông tin kịp thời chính xác.
- Xác định khả năng thực tế và lợi thế tại địa bàn từng Xí nghiệp để phát huy thế mạnh của Xí nghiệp trong việc lựa chọn nguồn nguyên liệu có chất lượng ổn định ngay từ khâu đầu vào, giúp Công ty định hướng đúng việc mua – bán – dự trữ sao cho vừa đáp ứng được nhu cầu thị trường vừa đạt hiệu quả .
- Quản lý hàng tồn kho phù hợp cho từng thời điểm để giảm thiểu chi phí tài chính.

4.3.2 Về tài chính :

- Tích cực thu hồi công nợ tồn đọng để có nguồn trả nợ cho Ngân hàng và đề ra biện pháp xử lý tiếp những công nợ xấu. Trên cơ sở đó tái cấu trúc tài chính khơi thông nguồn vốn để khởi động lại hoạt động của Công ty.
- Tiếp tục thực hiện các biện pháp quản lý dòng tiền như tranh thủ các nguồn vay lãi suất thấp, kiểm soát tiền mặt thường xuyên, tập trung nguồn tiền để cân đối nguồn thanh toán kịp thời, giảm số dư nợ vay.
- Lập kế hoạch và có biện pháp để quản lý chặt chẽ các chi phí phát sinh trong quá trình SXKD, định kỳ kiểm tra đánh giá chi phí thực tế phát sinh so với kế hoạch để tìm giải pháp khắc phục.
- Thường xuyên kiểm soát nợ phải thu trong hạn, quá hạn, có kế hoạch thu hồi công nợ đúng như cam kết trong hợp đồng.
- Thực hành tiết kiệm, giảm bớt chi phí trong từng khâu, đổi mới quản lý và sử dụng vốn có hiệu quả.
- Tích cực tìm kiếm các đối tác để chào bán các kho tàng hoạt động không hiệu quả để tăng nguồn vốn hoạt động cho Công ty.

5. Giải trình của BGD với ý kiến kiểm toán (nếu có)

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Năm 2015 là năm Công ty tiếp tục gặp nhiều khó khăn về nguồn vốn hoạt động, doanh thu chỉ đạt 209.150 triệu đồng, lợi nhuận trước thuế âm 73.891 triệu đồng. Các nguyên nhân cụ thể đã được Ban Điều hành nêu tại Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc Công ty khoản III mục 1.1.3 trang 15.

Trong năm, Hội đồng Quản trị đã thực hiện trách nhiệm của mình đối với công tác lãnh chỉ đạo các hoạt động của Công ty, đã tổ chức và được Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 2

thống nhất phương án hoạt động trong thời gian tới như sau : « HĐQT sẽ lựa chọn giải pháp tốt nhất sau đây để giải quyết tình trạng khó khăn của Công ty, nhằm giảm bớt thiệt hại cho các Cổ đông như: tìm đối tác tham gia tái cấu trúc Công ty, bán toàn bộ tài sản hoặc cho mở thủ tục phá sản ».

2.Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Trong năm 2015, Hội đồng quản trị đã quyết định cho 01 Phó Tổng Giám đốc nghỉ việc theo đơn. Ban Điều hành Công ty còn 2 người, cũng đảm bảo đủ năng lực, trình độ chuyên môn để thực hiện các nhiệm vụ được giao.

Các Nghị quyết, quyết định của HĐQT được Ban Điều hành tổ chức triển khai đầy đủ, kịp thời. Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện các giải pháp để giảm bớt chi phí hoạt động và chủ động đề xuất HĐQT các giải pháp cần thiết về tài chính, phương thức bán tài sản, thu hồi công nợ,... để hoạt động của Công ty tiếp tục được duy trì.Ngoài ra, Ban Điều Hành cũng đã thực hiện tốt các công tác Đảng, Đoàn thể.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

Trên cơ sở đánh giá các mặt hoạt động của Công ty và Ban Điều hành, cộng với nhận định tình hình thực tế của Công ty, HĐQT đề ra một số nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm cần thực hiện trong năm 2016 như sau :

- Tập trung chỉ đạo và giám sát Ban Điều hành triển khai thực hiện phương án hoạt động đã được ĐHCĐ bất thường lần 2 phê duyệt.

- Tiếp tục chỉ đạo Ban Điều hành tích cực thu hồi công nợ, thanh lý các tài sản không cần dùng, để trả nợ cho các Ngân hàng và đề nghị các Ngân hàng gia hạn nợ, giảm lãi vay, tài trợ vốn cho Công ty hoạt động.

- Tăng cường sự đoàn kết và thống nhất trong nội bộ để phát huy nội lực, nâng cao khả năng cạnh tranh.

V.QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

1.1. Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị

STT	Họ Tên	CP sở hữu	Phân loại thành viên	Thành viên HĐQT công ty khác
1	Châu Hiếu Dũng		Đại diện cổ đông lớn	
2	Phạm Văn Ân		Đại diện cổ đông lớn	
3	Đoàn Minh Thư		Đại diện cổ đông lớn	
4	Cao Minh Lãm		Đại diện cổ đông lớn	
5	Nguyễn Thanh Hoàng			

1.2. Hoạt động của Hội Đồng Quản Trị

HĐQT thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình tuân thủ đúng qui định pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. HĐQT thông qua quyết định bằng hình thức biểu quyết tại các cuộc họp.

Năm 2015, Hội đồng quản trị có sự thay đổi như sau :

- Ông Nguyễn Ngọc Nam được bầu làm Chủ tịch HĐQT thay Ông Nguyễn Thọ Trí theo Nghị quyết số 12/NQ-HĐQT của HĐQT Công ty ngày 20/4/2015.

- Ông Châu Hiếu Dũng được bầu làm Chủ tịch HĐQT thay Ông Nguyễn Ngọc Nam theo

NGhị quyết số 36/NQ-HĐQT ngày 23/11/2015 của HĐQT ngày 23/11/2015.

- Ông Phạm Văn Ân tham gia Hội đồng quản trị từ ngày 24/11/2015 thay ông Nguyễn Ngọc Nam.

- Ông Đoàn Minh Thư tham gia Hội đồng quản trị từ ngày 19/8/2015 thay ông Nguyễn Văn Kim.

Trong năm Hội đồng quản trị đã tiến hành 09 phiên họp và ban hành 09 Nghị quyết thuộc diện công bố thông tin. Các cuộc họp trong năm của HĐQT không có cuộc họp riêng của các thành viên HĐQT độc lập không điều hành, chi tiết như sau:

Các cuộc họp của HĐQT:

TT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Ghi chú
1	Ông Nguyễn Thọ Trí	Chủ tịch	4/9	44%	Tham gia HĐQT đến tháng 3/2015
2	Ông Nguyễn Ngọc Nam	Chủ tịch	5/9	55%	Tham gia HĐQT từ tháng 4/2015 đến tháng 11/2015
3	Ông Châu Hiếu Dũng	Chủ tịch	9/9	100%	Được bầu giữ chức Chủ tịch HĐQT từ tháng 11/2014
4	Ông Nguyễn Văn Kim	Ủy viên	0/9	0%	Ủy quyền ông Đoàn Minh Thư dự họp
5	Ông Nguyễn Thanh Hoàng	Ủy viên	8/9	89%	Ủy quyền Ông Trần Thanh Hùng dự họp
6	Ông Cao Minh Lãm	Ủy viên	8/9	89%	Ủy quyền Ông Đoàn Minh Thư dự họp
7	Ông Đoàn Minh Thư	Ủy viên	4/9	44%	Tham gia HĐQT từ tháng 8/2015
8	Ông Phạm Văn Ân	Ủy viên	1/9	11%	Tham gia HĐQT từ tháng 11/2014

Các nghị quyết của HĐQT và công bố thông tin theo quy định như sau :

TT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01/NQ-HĐQT	05/01/2015	- Thống nhất duyệt quỹ lương năm 2015 - Thống nhất bán đấu giá NMTATS Domyfeed, giá khởi điểm chưa bao gồm VAT là 79,2 tỷ đồng.
2	11/NQ-HĐQT	17/04/2015	Thống nhất bán Nhà máy TATS Domyfeed.
3	12/NQ-HĐQT	20/04/2015	Nghị quyết thay đổi và bầu Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2012-2016.
4	16/NQ-HĐQT	29/6/2015	- Thống nhất loại bỏ Công ty CP Nông Nghiệp Tam Nông ra khỏi danh sách thành viên của Cty TNHH Lương thực Kiên Nông theo qui định của Pháp luật. - Thống nhất chủ trương thoái vốn đầu tư ra bên ngoài tại các Công ty : Cty CP NN Tam Nông, Cty CP Du lịch Sài Gòn Ninh chữ.

			- Thống nhất sáp nhập Phòng Kỹ Thuật xây dựng cơ bản vào Phòng Kế hoạch Chiến lược và đổi tên thành Phòng Kinh doanh từ ngày 1/7/2015. - Thống nhất ngưng hoạt động chờ bán tài sản đối với Xí nghiệp Phú Lộc và Xí nghiệp An Bình kể từ ngày 31/7/2015. - Thống nhất giải thể Xí nghiệp Nông sản và Nhà máy thức ăn thủy sản Domyfeed kể từ ngày 1/7/2015. - Thống nhất chọn Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A&C làm đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2015. - Thống nhất phân công người đại diện quản lý vốn đầu tư ra bên ngoài của Công ty tại các Công ty như: Cty CP Du lịch Sài Gòn – Ninh chữ, Cty TNHH Lương thực Kiên Nông, Cty TNHH TM Sài Gòn – Vĩnh long, Cty CP NN Tam Nông.
5	19/NQ-HĐQT	19/08/2015	Ủy quyền cho Tổng Giám đốc Công ty thực hiện các thủ tục liên quan đến việc xử lý đối với các tài sản là quyền sử dụng đất và Nhà ở tại Văn Phòng đại diện 31 Nguyễn Kim, quận 5, TP.HCM để trả nợ vay quá hạn tại Ngân hàng HDB an Giang với hình thức Công ty tự bán hoặc giao tài sản cho HDB An Giang để cầm trả nợ vay.
6	20/NQ-HĐQT	19/08/2015	Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2012 – 2016, Ông Đoàn Minh Thư làm ủy viên Hội đồng quản trị Công ty thay Ông Đoàn Minh Thư.
7	26/NQ-HĐQT	29/09/2015	- Chấp thuận đơn xin nghỉ việc của Ông Nguyễn Ngọc Vinh – Phó Tổng Giám đốc Cty kể từ ngày 1/10/2015. - Thống nhất giải thể các Chi nhánh trực thuộc Công ty kể từ ngày 1/10/2015 bao gồm Xí nghiệp Mỹ Thới, Xí nghiệp An Bình, Xí nghiệp Tân Thạnh, Xí nghiệp Mỹ Thới, Xí nghiệp Bao bì.
8	36/NQ-HĐQT	23/11/2015	- Thay đổi và bầu Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2012-2016 - Ông Phạm Văn Ân thay Ông Nguyễn Ngọc Nam tham gia HĐQT Cty kể từ ngày 24/11/2015.
9	42/NQ-HĐQT	17/12/2015	Thống nhất tổ chức Đại hội cổ đông bất thường lần 2 năm 2015 lúc 8 giờ 30' thứ sáu ngày 8/1/2016.

1.3. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành

Không có

1.4. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị

Không có

1.5. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm

Không có

2. Ban kiểm soát

2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

STT	Họ Tên	Chức vụ	CP sở hữu
1	Trần Hữu Hiệp	Trưởng ban	34
2	Nguyễn Như Khoa	Thành viên	0
2	Lê Minh Việt	Thành viên	0

2.2. Hoạt động của Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát đã tiến hành hoạt động kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2014 trong việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty. Cụ thể như sau :

- Tham dự đầy đủ các phiên họp Hội đồng Quản trị, tham gia ý kiến và đề xuất với HĐQT trong các vấn đề quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông giao.

- Xem xét các Báo cáo tài chính hàng quý và Báo cáo tài chính hàng năm;

- Giám sát việc chấp hành nghĩa vụ của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật;

- Xem xét tính minh bạch của quá trình công bố thông tin để đảm bảo quyền lợi cho nhà đầu tư.

- Công tác xây dựng việc phối hợp với HĐQT, Ban Điều hành và cổ đông: Trong năm giữa BKS và HĐQT cùng Ban Điều hành đã xây dựng mối quan hệ bình đẳng, lắng nghe ý kiến các bên trên tinh thần vì lợi ích của cổ đông và công ty dựa trên Điều lệ công ty và các quy định pháp luật hiện hành.

- Đối với cổ đông, BKS đã giám sát việc lập danh sách cổ đông trước mỗi kì đại hội, trước mỗi kì chi trả cổ tức để bảo đảm quyền lợi cổ đông và để báo cáo cổ đông biểu quyết và thông qua các vấn đề, các tờ trình của Công ty. Trong năm, BKS không nhận được đơn thư yêu cầu, khiếu nại của cổ đông hay nhóm cổ đông liên quan đến hoạt động Công ty và quyền lợi cổ đông.

Nhìn chung năm 2015, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của mình, Ban Kiểm soát được Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc tạo mọi điều kiện thuận lợi để thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của mình.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

3.1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Đơn vị tính: tr.đ

Họ tên	Chức vụ	Lương	Thưởng	Thù lao	Phụ cấp	Cộng
Ông Châu Hiếu Dũng	CT HĐQT	0	0	0	0	0
Ông Phạm Văn Ân	TV HĐQT	0	0	0	0	0
Ông Đoàn Minh Thư	TV HĐQT	0	0	0	0	0
Ông Cao Minh Lãm	TV HĐQT	0	0	0	0	0
Ông Nguyễn Thanh Hoàng	TV HĐQT	0	0	0	0	0
Trần Hữu Hiệp	Trưởng BKS	0	0	0	0	0
Nguyễn Như Khoa	TV BKS	0	0	0	0	0
Lê Minh Việt	TV BKS					

3.2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

Stt	Người TH giao dịch	Q.hệ với CD nội bộ/CD lớn	Số CP SH đầu kỳ		Số CP SH cuối kỳ		Lý do tăng/giảm
			Số CP	Tỷ lệ%	Số CP	Tỷ lệ %	
1	Nguyễn Thanh Hoàng	TV HĐQT	4.370		0	0	Bán
2	Nguyễn Văn Hồ	PTGD	6.600		0	0	Bán

3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

3.4. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Công ty luôn tuân thủ đúng các quy định về quản trị Công ty đại chúng quy mô lớn. Công ty luôn cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin: Báo cáo tài chính năm, bán niên, quý; Báo cáo thường niên; Báo cáo quản trị Công ty và luôn cập nhật những thay đổi về hoạt động của Công ty, trên trang web của Công ty, báo cáo UBCKNN, HOSE và Trung tâm lưu ký chứng khoán.

IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	14 - 49

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần lương thực thực phẩm Vĩnh Long (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và công ty con – Công ty TNHH lương thực Kiên Nông (gọi chung là “Tập đoàn”).

Khái quát về Công ty

Công ty là Công ty cổ phần được thành lập theo Quyết định số 2204/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 01 tháng 8 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn về việc phê duyệt phương án và chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1500170900 (số cũ là 5403000041) đăng ký lần đầu ngày 29 tháng 12 năm 2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 19 ngày 24 tháng 9 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Long cấp.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long
- Điện thoại : (070) 3.822.512
- Fax : (070) 3.823.773

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Bán buôn gạo;
- Nuôi trồng thủy sản nội địa;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán buôn đồ uống;
- Bán buôn máy tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống);
- Bán mô tô, xe máy;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
- Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;

- Xay xát và sản xuất bột thô;
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
- Sản xuất đồ uống không cồn và nước khoáng;
- Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hàng hóa bằng đường thủy nội địa;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày, dép;
- Bán buôn tổng hợp;
- Sản xuất các loại bánh từ bột;
- Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Đại lý, môi giới, đấu giá;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc láo;
- Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh.

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm, miễn nhiệm
Ông Châu Hiếu Dũng	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 11 năm 2015
Ông Nguyễn Ngọc Nam	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 23 tháng 11 năm 2015
Ông Nguyễn Thọ Trí	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2015
Ông Cao Minh Lâm	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 10 năm 2014
Ông Đoàn Minh Thư	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 8 năm 2015
Ông Nguyễn Thanh Hoàng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2012
Ông Phạm Văn Ân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 11 năm 2015

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Trần Hữu Hiệp	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2013
Ông Lê Minh Việt	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2013
Ông Nguyễn Như Khoa	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2015

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Trần Thanh Hùng	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 10 năm 2014
Ông Nguyễn Văn Hồ	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 3 năm 2010
Ông Nguyễn Ngọc Vinh	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 10 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Trần Thanh Hùng – Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 15 tháng 10 năm 2014).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất.
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Trần Thanh Hùng
Tổng Giám đốc

Ngày 17 tháng 3 năm 2016



**BAKER TILLY
A&C**

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.



Headquarters : 02 Truong Son St., Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 15-13 Vo Nguyen Giap St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 045CT/2016/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty cổ phần lương thực thực phẩm Vĩnh Long (sau đây gọi tắt là "Công ty") và công ty con – Công ty TNHH lương thực Kiên Nông (gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 01 tháng 3 năm 2016, từ trang 07 đến trang 49, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như đã trình bày ở thuyết minh số V.5, Tập đoàn được yêu cầu phải nộp và đã tạm nộp thêm một khoản thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) là 31.347.563.097 VND cho các năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2007 và 31/12/2008 theo Quyết định số 213/QĐ-CT ngày 22/6/2010 và Quyết định số 46/QĐ-CT ngày 28/01/2011 của Cục thuế tỉnh Vĩnh Long, Quyết định số 979/QĐ-TCCT ngày 13/7/2011 của Tổng cục thuế. Tuy nhiên, Tập đoàn không chấp nhận số thuế phải nộp này và đã tiến hành gửi đơn kiện Cục thuế tỉnh Vĩnh Long lên Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long để xác định lại số thuế TNDN phải nộp. Theo bản án sơ thẩm số 07/2013/HCTST ngày 24/9/2013, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long ra Quyết định hủy số thuế TNDN truy thu năm 2007 và 2008 theo Quyết định giải quyết khiếu nại số 46/QĐ-CT ngày 28/01/2011 và Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế số 213/QĐ-CT ngày 22/6/2010 của Cục trưởng Cục thuế tỉnh Vĩnh Long. Không đồng ý với quyết định của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long,



CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		88.862.794.692	147.140.180.635
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	4.699.514.747	10.233.249.885
1. Tiền	111		1.399.514.747	9.383.249.885
2. Các khoản tương đương tiền	112		3.300.000.000	850.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.240.500	1.472.100
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	11.250.882	11.250.882
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	V.2a	(10.010.382)	(9.778.782)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		80.754.795.739	126.906.261.830
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	120.430.378.250	131.922.758.323
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	5.101.595.890	6.131.652.873
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	34.203.354.938	34.768.495.831
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(78.980.533.339)	(45.916.645.197)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		1.869.314.222	9.053.602.703
1. Hàng tồn kho	141	V.7	3.822.565.500	9.053.602.703
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.953.251.278)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.537.929.484	945.594.117
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	94.000.000	398.993.579
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		407.777.592	541.084.099
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	1.036.151.892	5.516.439
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		104.432.711.435	205.896.907.566
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		75.833.590.467	174.533.296.509
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	56.740.006.545	130.030.917.341
- Nguyên giá	222		122.477.607.923	205.501.499.567
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(65.737.601.378)	(75.470.582.226)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	19.093.583.922	44.502.379.168
- Nguyên giá	228		19.608.206.294	45.794.785.178
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(514.622.372)	(1.292.406.010)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		823.614.676	823.614.676
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	823.614.676	823.614.676
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		21.258.644.253	22.505.720.489
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	10.986.263.058	12.215.360.491
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2c	11.500.000.000	11.500.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2c	(1.227.618.805)	(1.209.640.002)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		6.516.862.039	8.034.275.892
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	410.212.889	1.758.902.203
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.12	6.106.649.150	6.275.373.689
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		193.295.506.127	353.037.088.201

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		191.846.892.463	277.496.433.965
I. Nợ ngắn hạn	310		190.900.203.738	235.538.378.514
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	295.000	10.282.458
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	64.700.000	681.637.500
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	415.222.862	43.587.246
4. Phải trả người lao động	314	V.16	858.120.000	2.892.972.885
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	11.494.942.528	281.788.121
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	417.516.000	417.516.000
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19a	177.599.875.344	231.161.062.300
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.20	49.532.004	49.532.004
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		946.688.725	41.958.055.451
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19b	-	40.244.437.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.21	946.688.725	1.713.618.451
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.448.613.664	75.540.654.236
I. Vốn chủ sở hữu	410		1.448.613.664	75.540.654.236
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.22a,b,c	119.599.820.000	119.599.820.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		119.599.820.000	119.599.820.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.22a	37.281.400.080	37.281.400.080
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.22a	(155.432.606.416)	(81.340.565.844)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(81.280.815.136)	(81.340.565.844)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		(74.151.791.280)	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		193.295.506.127	353.037.088.201

Vĩnh Long, ngày 01 tháng 3 năm 2016



Phạm Thị Cẩm Nhung
Người lập biểu



Phan Ngọc Bình
Kế toán trưởng




Trần Thanh Hùng
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	209.149.657.431	802.544.542.893
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		209.149.657.431	802.544.542.893
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.2	202.598.540.678	786.329.694.806
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		6.551.116.753	16.214.848.087
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.713.033.489	33.118.238.873
7.	Chi phí tài chính	22	VI.4	26.391.194.595	43.479.881.981
	Trong đó: chi phí lãi vay	23		24.033.576.981	32.380.933.851
8.	Phản lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	V.2b	5.120.009.774	5.016.263.426
9.	Chi phí bán hàng	25	VI.5	11.419.339.484	25.890.795.473
10.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	50.787.585.980	65.549.580.987
11.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(75.213.960.043)	(80.570.908.055)
12.	Thu nhập khác	31	VI.7	5.488.250.932	25.795.082.647
13.	Chi phí khác	32	VI.8	4.165.357.630	4.812.527.957
14.	Lợi nhuận khác	40		1.322.893.302	20.982.554.690
15.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(73.891.066.741)	(59.588.353.365)
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.15	-	3.782.136.938
17.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.9	168.724.539	259.620.530
18.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(74.059.791.280)	(63.630.110.833)
19.	Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		(74.059.791.280)	(63.630.110.833)
20.	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
21.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10a	(6.192)	(5.320)
22.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10a	(6.192)	(5.320)


Phạm Thị Cẩm Nhung
 Người lập biểu


Phan Ngọc Bình
 Kế toán trưởng


Trần Thanh Hùng
 Tổng Giám đốc



Vĩnh Long, ngày 01 tháng 3 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(73.891.066.741)	(59.588.353.365)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V9,10	10.852.403.479	15.891.396.856
- Các khoản dự phòng	03		34.268.420.097	31.618.625.426
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	V1.4	48.539.975	421.124.612
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(6.489.346.785)	(32.794.805.209)
- Chi phí lãi vay	06	V1.4	24.033.576.981	32.380.933.851
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(11.177.472.994)	(12.071.077.829)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		12.190.249.003	54.373.732.297
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		5.231.037.203	141.747.097.095
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(1.253.990.335)	(31.816.501.965)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.653.682.893	1.643.197.997
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(12.820.422.574)	(32.908.724.254)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.15	(1.036.151.892)	(5.079.666.528)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	643.192.035
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.22a	(92.000.000)	(1.380.595.225)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(7.305.068.696)	115.150.653.623
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		-	(1.951.382.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		89.017.848.019	22.294.443.629
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		6.607.649.470	20.037.010.035
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		95.625.497.489	40.380.071.664

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	VII.1	201.683.195.158	1.119.560.823.665
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	VII.2	(295.537.094.064)	(1.521.405.330.865)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(9.520.769.600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(93.853.898.906)	(411.365.276.800)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(5.533.470.113)	(255.834.551.513)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	10.233.249.885	266.066.039.033
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(265.025)	1.762.365
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	4.699.514.747	10.233.249.885

Vĩnh Long, ngày 01 tháng 3 năm 2016



Phạm Thị Cẩm Nhung
Người lập biểu



Phan Ngọc Bình
Kế toán trưởng



Trần Thanh Hùng
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần lương thực thực phẩm Vĩnh Long (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Bán buôn gạo; Bán buôn thực phẩm; Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; Bán lẻ lương thực, thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Bán buôn tổng hợp; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Trong năm, Công ty đã thực hiện việc chuyển nhượng bất động sản. Hoạt động chuyển nhượng này đã làm cho Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty bị lỗ 3.902.925.882 VND.

6. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 01 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ.

6a. Thông tin về tái cấu trúc Tập đoàn

Trong năm, Tập đoàn không phát sinh việc mua thêm, thanh lý hay thoái vốn tại công ty con.

6b. Công ty con được hợp nhất

Công ty chỉ đầu tư vào công ty con là Công ty TNHH lương thực Kiên Nông có trụ sở chính tại Tổ 5, ấp Sư Nam, thị trấn Hòn Đất, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là sản xuất – thương mại. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại công ty con này là 100% (số đầu năm là 100%).

6c. Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tập đoàn chỉ đầu tư vào công ty liên kết là Công ty TNHH thương mại Sài Gòn - Vĩnh Long có trụ sở chính tại số 26 đường 3/2, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là kinh doanh theo hệ thống chuỗi siêu thị. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ phần sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại công ty liên kết này là 26,25% (số đầu năm là 26,25%).

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, khoản đầu tư vào Công ty TNHH thương mại Sài Gòn - Vĩnh Long (công ty liên kết của Công ty) được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu căn cứ trên Báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty liên kết.

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Tập đoàn áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Một số số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 không so sánh được với số liệu tương ứng cùng kỳ năm trước do áp dụng các Thông tư này trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Các quy định có thay đổi ảnh hưởng đến số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn như sau:

Tỷ giá áp dụng để hạch toán các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ và đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ.

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Tập đoàn có 77 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 179 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như Thông tư số 202/2014/TT-BTC thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Các Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực kế toán, các Thông tư này và các Thông tư khác hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các Thông tư khác hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chi định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Vĩnh Long (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Vĩnh Long (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Tập đoàn có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Cổ phiếu hoán đổi được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi. Giá trị hợp lý của cổ phiếu được xác định như sau:

- Đối với cổ phiếu của công ty niêm yết, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán tại ngày trao đổi. Trường hợp tại ngày trao đổi thị trường chứng khoán không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá giao dịch đóng cửa trên sàn UPCOM tại ngày trao đổi. Trường hợp ngày trao đổi sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết khác, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá do các bên thỏa thuận theo hợp đồng hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm trao đổi.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM là giá đóng cửa tại ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp tại ngày kết thúc năm tài chính thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc năm tài chính.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.

Giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 36 tháng.

9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm Năm nay</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 25
Máy móc và thiết bị	07 – 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	08

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VINH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vinh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,....Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 39 - 50 năm, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 08 năm.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

14. Các khoản dự phòng phải trả

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Tập đoàn phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động làm việc thường xuyên tại Tập đoàn từ đủ 12 tháng trở lên đối với thời gian không tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp khi họ chấm dứt hợp đồng lao động. Dự phòng trợ cấp thôi việc được trích lập với mức bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề gần nhất tính đến thời điểm lập Báo cáo tài chính cho 1 năm làm việc.

Tăng, giảm số dư dự phòng trợ cấp thôi việc cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

15. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

16. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu gia công

Doanh thu đối với hoạt động nhận gia công vật tư, hàng hoá là số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hoá nhận gia công.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

19. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

23. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tập đoàn sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	160.685.500	185.981.500
Tiền gửi ngân hàng	1.238.829.247	8.485.608.385
Tiền đang chuyển	-	711.660.000
Các khoản tương đương tiền	3.300.000.000	850.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn từ 03 tháng trở xuống	3.300.000.000	850.000.000
Cộng	4.699.514.747	10.233.249.885

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm chứng khoán kinh doanh, đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

2a. Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Cổ phiếu	11.250.882	1.240.500	(10.010.382)	11.250.882	1.472.100	(9.778.782)
Công ty cổ phần chứng khoán Bảo Việt	8.162.500	714.000	(7.448.500)	8.162.500	816.000	(7.346.500)
Ngân hàng TMCP Sài Gòn-Hà Nội	3.088.382	526.500	(2.561.882)	3.088.382	656.100	(2.432.282)
Cộng	11.250.882	1.240.500	(10.010.382)	11.250.882	1.472.100	(9.778.782)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	9.778.782	9.778.782
Trích lập bổ sung	231.600	-
Số cuối năm	10.010.382	9.778.782

2b. Đầu tư vào công ty liên kết

	Số cuối năm	Số đầu năm
Giá gốc	5.250.000.000	5.250.000.000
Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	5.736.263.058	6.965.360.491
Cộng	10.986.263.058	12.215.360.491

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	12.215.360.491	10.673.340.676
Lợi nhuận được chia	(6.408.857.915)	(3.203.807.926)
Phần lãi trong công ty liên kết	5.120.009.774	5.016.263.426
Điều chỉnh tăng lợi nhuận năm trước theo phương pháp vốn chủ sở hữu	59.750.708	(270.435.685)
Số cuối năm	10.986.263.058	12.215.360.491

Tình hình hoạt động của công ty liên kết

Công ty TNHH thương mại Sài Gòn – Vĩnh Long hiện đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Giao dịch với công ty liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Tập đoàn với công ty liên kết như sau:

Trong năm, Tập đoàn phát sinh giao dịch nhận lợi nhuận từ Công ty TNHH thương mại Sài Gòn – Vĩnh Long là công ty liên kết với số tiền là 6.408.857.915 VND (cùng kỳ năm trước là 3.203.807.926 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty cổ phần bia Sài Gòn-Vĩnh Long	1.500.000.000		- 1.500.000.000	1.500.000.000		- 1.500.000.000
Công ty cổ phần du lịch Sài Gòn-Ninh Chữ	5.000.000.000	(955.564.691)	4.044.435.309	5.000.000.000	(937.585.888)	4.062.414.112
Công ty cổ phần nông nghiệp Tam Nông	5.000.000.000	(272.054.114)	4.727.945.886	5.000.000.000	(272.054.114)	4.727.945.886
Cộng	11.500.000.000	(1.227.618.805)	10.272.381.195	11.500.000.000	(1.209.640.002)	10.290.359.998

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(1.209.640.002)	(1.278.743.934)
Trích lập dự phòng bổ sung	(17.978.803)	-
Hoàn nhập dự phòng	-	69.103.932
Số cuối năm	(1.227.618.805)	(1.209.640.002)

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	98.570.404.619	106.486.862.569
Công ty cổ phần Docimexco	98.328.564.251	105.665.064.251
Công ty TNHH một thành viên – Tổng công ty lương thực Miền Nam	241.840.368	821.798.318
Phải thu các khách hàng khác	21.859.973.631	25.435.895.754
Các khách hàng khác	21.859.973.631	25.435.895.754
Cộng	120.430.378.250	131.922.758.323

Một số khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng tại ngày 31/12/2015 có giá trị 98.328.564.251 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Vĩnh Long và một số khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng tại ngày 31/12/2015 có giá trị 18.648.568.040 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Tiền Giang.

Một số khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng tại 31/12/2015 có giá trị 108.371.269.195 VND Công ty đã nộp đơn khởi kiện và đã có quyết định xử lý của Tòa án và một số khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng tại 31/12/2015 có giá trị 11.169.167.006 VND Công ty đang tiến hành khởi kiện.

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	5.101.595.890	6.131.652.873
Doanh nghiệp tư nhân Khánh Hưng	5.009.287.000	6.050.000.000
Các nhà cung cấp khác	92.308.890	81.652.873
Cộng	5.101.595.890	6.131.652.873

5. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân</i>				
- Cục thuế Vĩnh Long – thuế TNDN bị truy thu (*)	31.347.563.097	-	31.347.563.097	-
- Tạm ứng nhân viên	118.114.394	-	301.347.282	-
- Các khoản phải thu ngắn hạn khác	2.737.677.447	-	3.119.585.452	-
Cộng	34.203.354.938	-	34.768.495.831	-

(*) Tập đoàn được yêu cầu phải nộp và đã tạm nộp thêm một khoản thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) là 31.347.563.097 VND cho các năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2007 và 31/12/2008 theo Quyết định số 213/QĐ-CT ngày 22/6/2010 và Quyết định số 46/QĐ-CT ngày 28/01/2011 của Cục thuế tỉnh Vĩnh Long, Quyết định số 979/QĐ-TCCT ngày 13/7/2011 của Tổng cục thuế. Tuy nhiên, Tập đoàn không chấp nhận số thuế phải nộp này và đã tiến hành gửi đơn kiện Cục thuế tỉnh Vĩnh Long lên Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long để xác định lại số thuế TNDN phải nộp. Theo bản án sơ thẩm số 07/2013/HCST ngày 24/9/2013, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long ra quyết định hủy số thuế TNDN truy thu năm 2007 và 2008 theo Quyết định giải quyết khiếu nại số 46/QĐ-CT ngày 28/01/2011 và Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế số 213/QĐ-CT ngày 22/6/2010 của Cục trưởng Cục thuế tỉnh Vĩnh Long. Không đồng ý với quyết định của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long, Cục thuế tỉnh Vĩnh Long đã gửi đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân Tối cao. Đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này, vụ kiện chưa được hoàn tất nên Tập đoàn vẫn đang ghi nhận khoản thuế TNDN tạm nộp như một khoản phải thu khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

6. Nợ xấu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Thời gian quá hạn	Giá gốc
<i>Các bên liên quan</i>				
Công ty CP Docimexco ⁽¹⁾	Dưới 01 năm	-	Dưới 01 năm	95.332.624.679
	Từ 02 năm đến dưới 03 năm	87.996.124.679	Từ 02 năm đến dưới 03 năm	-
<i>Các tổ chức và cá nhân khác</i>				
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	Dưới 01 năm	-	Dưới 01 năm	12.377.730.738

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Từ 01 năm đến dưới 02 năm	10.287.886.269	5.143.943.133	Từ 01 năm đến dưới 02 năm	16.266.424.655	8.133.212.327
Từ 02 năm đến dưới 03 năm	14.404.967.080	4.321.490.124	Từ 02 năm đến dưới 03 năm	-	-
Trên 03 năm	2.155.825.972	-	Trên 03 năm	2.370.594.372	-
Cộng	114.844.804.000	35.864.270.661		126.347.374.444	80.430.729.247

- (i) Khoản phải thu Công ty cổ phần Docimexco ngoài khoản tiền gốc 87.996.124.679 VND còn phải thu, thì còn khoản tiền phải thu về lãi chậm trả là 10.332.439.572 VND. Do đó, tổng số tiền còn phải thu của Công ty cổ phần Docimexco trên sổ sách kế toán của Tập đoàn là 98.328.564.251 VND.

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Nợ phải thu ngắn hạn
Số đầu năm	(45.916.645.197)
Trích lập dự phòng bổ sung	(38.314.681.733)
Hoàn nhập dự phòng	5.250.793.591
Số cuối năm	(78.980.533.339)

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	177.760.104	-	813.070.758	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	-	634.242.690	-
Thành phẩm	3.548.325.511	(1.953.251.278)	5.677.983.092	-
Hàng hóa	96.479.885	-	1.928.306.163	-
Cộng	3.822.565.500	(1.953.251.278)	9.053.602.703	-

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	-	-
Trích lập dự phòng	(1.953.251.278)	-
Số cuối năm	(1.953.251.278)	-

8. Chi phí trả trước**8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	94.000.000	87.138.023
Chi phí lãi vay trả trước ngân hàng	-	311.855.556
Cộng	94.000.000	398.993.579

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**8b. Chi phí trả trước dài hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	100.732.794	508.324.533
Chi phí thuê đất	137.083.336	195.833.335
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	62.096.571	894.301.180
Các chi phí trả trước dài hạn khác	110.300.188	160.443.155
Cộng	410.212.889	1.758.902.203

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	102.969.935.163	94.937.314.369	7.201.440.866	392.809.169	205.501.499.567
Thanh lý, nhượng bán	(42.092.005.196)	(37.303.307.691)	(3.060.395.457)	(85.158.000)	(82.540.866.344)
Bản giao cho ngân hàng	(483.025.300)	-	-	-	(483.025.300)
Số cuối năm	60.394.904.667	57.634.006.678	4.141.045.409	307.651.169	122.477.607.923
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	3.030.672.044	7.283.852.947	1.317.653.174	216.259.940	11.848.438.105
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	29.303.907.857	42.312.825.165	3.476.207.226	377.641.978	75.470.582.226
Khấu hao trong năm	3.748.174.112	6.276.033.819	541.069.389	11.423.904	10.576.701.224
Thanh lý, nhượng bán	(7.074.847.014)	(11.350.322.496)	(1.441.958.206)	(85.158.000)	(19.952.285.716)
Bản giao cho ngân hàng	(357.396.356)	-	-	-	(357.396.356)
Số cuối năm	25.619.838.599	37.238.536.488	2.575.318.409	303.907.882	65.737.601.378
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	73.666.027.306	52.624.489.204	3.725.233.640	15.167.191	130.030.917.341
Số cuối năm	34.775.066.068	20.395.470.190	1.565.727.000	3.743.287	56.740.006.545

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách tại ngày 31/12/2015 là 39.528.527.188 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các Ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**10. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	45.702.223.178	92.562.000	45.794.785.178
Thanh lý, nhượng bán	(23.484.778.884)	-	(23.484.778.884)
Bản giao cho ngân hàng	(2.701.800.000)	-	(2.701.800.000)
Số cuối năm	19.515.644.294	92.562.000	19.608.206.294
Trong đó:			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	92.562.000	92.562.000
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	1.199.844.010	92.562.000	1.292.406.010
Khấu hao trong năm	275.702.255	-	275.702.255
Thanh lý, nhượng bán	(1.053.485.893)	-	(1.053.485.893)
Số cuối năm	422.060.372	92.562.000	514.622.372
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	44.502.379.168	-	44.502.379.168
Số cuối năm	19.093.583.922	-	19.093.583.922

Một số tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại theo sổ sách tại ngày 31/12/2015 là 14.024.724.286 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các Ngân hàng.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Phát sinh tăng trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Số cuối năm
XDCB dở dang	823.614.676	-	-	823.614.676
- Công trình nhà máy xay sát, hệ thống sấy và lau bóng gạo	823.614.676	-	-	823.614.676
Cộng	823.614.676	-	-	823.614.676

12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**12a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã ghi nhận**

	Số đầu năm	Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm	Ghi nhận vào vốn chủ sở hữu trong năm	Số cuối năm
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	376.996.059	(168.724.539)	-	208.271.520
Trợ cấp thôi việc	376.996.059	(168.724.539)	-	208.271.520
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến lỗ tính thuế chưa sử dụng	5.898.377.630	-	-	5.898.377.630
Cộng	6.275.373.689	(168.724.539)	-	6.106.649.150

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 22% (năm trước thuế suất là 22%).

12b. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tập đoàn chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho khoản lỗ tính thuế năm 2014 và năm 2015 với số tiền là 160.448.899.954 VND.

Theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, khoản lỗ của bất kỳ năm tính thuế nào được chuyển sang bù trừ vào thu nhập trong thời gian tối đa không quá 05 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ và chênh lệch tạm thời có thể được khấu trừ không bị giới hạn về thời gian. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận cho những khoản này vì ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng những lợi ích đó.

13. Phải trả người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	295.000	10.282.458
Các nhà cung cấp khác	295.000	10.282.458
Cộng	295.000	10.282.458

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	64.700.000	681.637.500
Ông Võ Văn Thi	64.700.000	-
Công ty TNHH một thành viên Thắng Thắng Phát	-	233.900.000
SHENZHEN LIANYIMIYE LIMITED	-	447.737.500
Cộng	64.700.000	681.637.500

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong năm</u>		<u>Số cuối năm</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã thực nộp</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	30.283.626	2.995.395	4.322.228.432	(4.219.648.283)	132.863.775	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	(1.036.151.892)	-	1.036.151.892
Thuế thu nhập cá nhân	13.303.620	-	117.437.041	(118.524.139)	12.216.522	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	2.521.044	260.175.885	(257.654.841)	-	-
Các loại thuế khác	-	-	296.859.471	(26.716.906)	270.142.565	-
Cộng	43.587.246	5.516.439	4.996.700.829	(5.658.696.061)	415.222.862	1.036.151.892

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế giá trị gia tăng

Các công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Hàng xuất khẩu	0%
- Gạo, tấm	5%
- Kinh doanh các mặt hàng siêu thị, thanh lý tài sản	10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Các công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các công ty trong Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 22%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(73.891.066.741)	(59.588.353.365)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	1.114.071.924	9.678.140.589
- Các khoản điều chỉnh giảm	(12.445.804.915)	(8.124.355.908)
Thu nhập chịu thuế	(85.222.799.732)	(58.034.568.684)
Thu nhập chịu thuế của hoạt động kinh doanh chính	(81.319.873.850)	(75.226.100.222)
Thu nhập chịu thuế của hoạt động kinh doanh bất động sản	(3.902.925.882)	17.191.531.538
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Lỗi các năm trước được chuyển	-	-
Thu nhập tính thuế	(85.222.799.732)	(58.034.568.684)
Thu nhập tính thuế của hoạt động kinh doanh chính	(81.319.873.850)	(75.226.100.222)
Thu nhập tính thuế của hoạt động kinh doanh bất động sản	(3.902.925.882)	17.191.531.538
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho hoạt động chuyển nhượng bất động sản	-	3.782.136.938
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	-	3.782.136.938

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các qui định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những qui định này thay đổi theo từng thời kỳ và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII kỳ họp thứ 05 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông giảm từ 22% xuống còn 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tiền thuê đất

Tập đoàn phải nộp tiền thuê đất đối với diện tích 18.301,5 m² đất đang sử dụng tại tỉnh Vĩnh Long và 7.125 m² tại thành phố Cần Thơ với mức tiền thuê theo thông báo nộp tiền thuê đất hàng năm của cơ quan thuế.

Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo qui định.

16. Phải trả người lao động

Là tiền lương còn phải trả người lao động.

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>11.494.942.528</i>	<i>281.788.121</i>
Chi phí lãi vay phải trả	11.494.942.528	281.788.121
Cộng	11.494.942.528	281.788.121

18. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	<i>417.516.000</i>	<i>417.516.000</i>
Cổ tức phải trả	369.516.000	369.516.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	48.000.000	48.000.000
Cộng	417.516.000	417.516.000

19. Vay và nợ thuê tài chính

19a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>		
Vay ngắn hạn ngân hàng	177.599.875.344	225.161.062.300
Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long ⁽ⁱ⁾	48.700.000.000	55.630.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long ⁽ⁱⁱ⁾	84.741.454.000	93.093.756.900
Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh - Chi nhánh An Giang ⁽ⁱⁱⁱ⁾	25.000.000.000	53.900.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cửu Long ^(iv)	4.979.296.244	4.660.000.000
Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Tiền Giang ^(v)	14.179.125.100	17.877.305.400
Vay dài hạn đến hạn trả	-	6.000.000.000
Cộng	177.599.875.344	231.161.062.300

Tập đoàn chưa đánh giá được khả năng thanh toán các khoản nợ vay của các ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long để bổ sung vốn lưu động với lãi suất 7%/năm, thời hạn vay 04 - 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định (xem thuyết minh số V.9 và V.10).
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay từ 02 - 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp khoản công nợ phải thu ngắn hạn của khách hàng (xem thuyết minh số V.3).
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh - Chi nhánh An Giang để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định (xem thuyết minh V.9 và V.10).
- (iv) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cửu Long để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 04 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định (xem thuyết minh số V.9 và V.10).
- (v) Khoản vay Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Tiền Giang để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định (xem thuyết minh số V.9 và V.10) và thế chấp khoản công nợ phải thu ngắn hạn của khách hàng (xem thuyết minh số V.3).

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Chênh lệch tỷ giá cuối năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	225.161.062.300	201.683.195.158	48.274.950	(249.292.657.064)	177.599.875.344
Vay dài hạn đến hạn trả	6.000.000.000	-	-	(6.000.000.000)	-
Cộng	231.161.062.300	201.683.195.158	48.274.950	(255.292.657.064)	177.599.875.344

19b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn phải trả các tổ chức khác	-	-	40.244.437.000	40.244.437.000
Vay dài hạn ngân hàng	-	-	40.244.437.000	40.244.437.000
Vay Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Vĩnh Long ⁽ⁱ⁾	-	-	40.244.437.000	40.244.437.000
Cộng	-	-	40.244.437.000	40.244.437.000

Chi tiết số phát sinh về khoản vay dài hạn trong năm như sau:

Số đầu năm	40.244.437.000
Số tiền vay đã trả	(40.244.437.000)
Số cuối năm	-

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**19c. Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán**

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Gốc	Lãi	Cộng	Gốc	Lãi	Cộng
Vay				129.875.499.300	164.303.677	130.039.802.977
Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Tiền Giang (*)	14.179.125.100	11.028.209	14.190.153.309	17.877.305.400	13.904.571	17.891.209.971
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long (*)	84.741.454.000	5.424.584.569	90.166.038.569	93.093.756.900	123.932.818	93.217.689.718
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cửu Long (*)	4.979.296.244	11.618.358	4.990.914.602	4.660.000.000	9.320.000	4.669.320.000
Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Vĩnh Long (*)	-	-	-	14.244.437.000	17.146.288	14.261.583.288
Ngân hàng TMCP Phát triển TP. HCM - Chi nhánh An Giang (**)	25.000.000.000	3.143.439.072	28.143.439.072	-	-	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long (*)	48.700.000.000	2.904.272.320	51.604.272.320	-	-	-
Cộng	177.599.875.344	11.494.942.528	189.094.817.872	129.875.499.300	164.303.677	130.039.802.977

(*) Khoản vay này đã được gia hạn nợ.

(**) Khoản vay này chưa được thanh toán do Tập đoàn đang gặp khó khăn về tài chính nên chưa có luồng tiền để thanh toán.

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số cuối năm	Số đầu năm
Quỹ khen thưởng	690.000	690.000
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	48.842.004	48.842.004
Cộng	49.532.004	49.532.004

21. Dự phòng phải trả dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trợ cấp thôi việc còn phải trả	946.688.725	1.713.618.451
Cộng	946.688.725	1.713.618.451

22. Vốn chủ sở hữu**22a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	119.599.820.000	32.013.194.783	5.268.205.297	(17.164.019.326)	139.717.200.754
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	(63.630.110.833)	(63.630.110.833)
Thù lao HĐQT và Ban kiểm soát	-	-	-	(276.000.000)	(276.000.000)
Giảm khác	-	-	-	(270.435.685)	(270.435.685)
Số dư cuối năm trước	119.599.820.000	32.013.194.783	5.268.205.297	(81.340.565.844)	75.540.654.236

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm nay	119.599.820.000	37.281.400.080	-	(81.340.565.844)	75.540.654.236
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	(74.059.791.280)	(74.059.791.280)
Thủ lao HĐQT và Ban kiểm soát	-	-	-	(92.000.000)	(92.000.000)
Điều chỉnh tăng lợi nhuận từ công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu	-	-	-	59.750.708	59.750.708
Số dư cuối năm nay	119.599.820.000	37.281.400.080	-	(155.432.606.416)	1.448.613.664

22b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH một thành viên - Tổng công ty lương thực Miền Nam	47.840.000.000	47.840.000.000
Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Nguyễn Kim	27.928.640.000	27.928.640.000
Các cổ đông khác	43.831.180.000	43.831.180.000
Cộng	119.599.820.000	119.599.820.000

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp		Vốn điều lệ đã góp (VND)	Vốn điều lệ còn phải góp (VND)
	VND	Tỷ lệ (%)		
Tổng công ty lương thực Miền Nam	47.840.000.000	40,00	47.840.000.000	-
Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Nguyễn Kim	27.928.640.000	23,35	27.928.640.000	-
Các cổ đông khác	43.831.180.000	36,65	43.831.180.000	-
Cộng	119.599.820.000	100,00	119.599.820.000	-

22c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.959.982	11.959.982
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11.959.982	11.959.982
- Cổ phiếu phổ thông	11.959.982	11.959.982
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.959.982	11.959.982
- Cổ phiếu phổ thông	11.959.982	11.959.982
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán****23a. Tài sản thuê ngoài**

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 01 năm trở xuống	296.849.389	384.451.639
Trên 01 năm đến 05 năm	1.187.397.556	1.537.806.554
Trên 05 năm	8.747.959.286	11.889.610.071
Cộng	<u>10.232.206.231</u>	<u>13.811.868.264</u>

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động ở trên là tổng số tiền thuê 16.325,70 m² đất đang sử dụng tại tỉnh Vĩnh Long và 7.125 m² tại thành phố Cần Thơ với mức tiền thuê theo thông báo nộp tiền thuê đất hàng năm của cơ quan thuế.

23b. Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền bao gồm 20.124,38 USD (số đầu năm là 28.608,39 USD).

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	207.476.299.793	801.858.594.216
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.673.357.638	685.948.677
Cộng	<u>209.149.657.431</u>	<u>802.544.542.893</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho công ty liên kết. Giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty liên kết như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty TNHH một thành viên – Tổng công ty lương thực Miền Nam	45.412.936.860	76.662.445.178
Doanh thu xuất khẩu ủ thóc gạo	45.412.936.860	76.662.445.178
Công ty lương thực thực phẩm An Giang	101.503.600	-
Doanh thu bán thành phẩm (bao bì)	101.503.600	-
Công ty lương thực Sóc Trăng	71.194.200	-
Doanh thu bán thành phẩm (bao bì)	71.194.200	-
Công ty lương thực Bến Tre	16.143.995.000	25.262.541.750
Doanh thu bán hàng hóa (gạo, nếp)	16.143.995.000	25.262.541.750
Công ty lương thực Long An	-	14.400.000.000
Doanh thu bán hàng hóa (nếp)	-	14.400.000.000
Công ty lương thực Bạc Liêu	-	4.028.622.500
Doanh thu bán hàng hóa (gạo)	-	4.028.622.500
Công ty lương thực Đồng Tháp	-	17.151.267.500
Doanh thu bán hàng hóa (tấm)	-	17.151.267.500

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
Công ty lương thực Trà Vinh	-	39.726.000
<i>Doanh thu bán thành phẩm (Mang trắng)</i>	-	39.726.000
Công ty lương thực Vĩnh Long	101.604.800	46.230.000
<i>Doanh thu bán thành phẩm (bao bì)</i>	101.604.800	46.230.000
Công ty lương thực Sông Hậu	-	11.639.700.000
<i>Doanh thu bán hàng hóa (gạo)</i>	-	11.639.700.000
Công ty TNHH một thành viên lương thực TP.Hồ Chí Minh	-	261.000.000
<i>Doanh thu bán hàng hóa (tôm)</i>	-	261.000.000
Công ty cổ phần xuất nhập khẩu nông sản thực phẩm Cà Mau	-	54.332.500
<i>Doanh thu bán thành phẩm (bao bì)</i>	-	54.332.500
2. Giá vốn hàng bán		
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán	200.645.289.400	789.289.788.855
Dự phòng/(Hoàn nhập) giảm giá hàng tồn kho	1.953.251.278	(2.960.094.049)
Cộng	202.598.540.678	786.329.694.806
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	48.784.055	15.565.198.415
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	74.286.280	104.223.511
Cổ tức, lợi nhuận được chia	150.007.500	275.670.696
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	1.138.700.123	10.305.759.295
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	301.255.531	6.867.386.956
Cộng	1.713.033.489	33.118.238.873
4. Chi phí tài chính		
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	24.033.576.981	32.380.933.851
Chiết khấu thanh toán cho người mua	-	162.453.060
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	2.245.204.932	8.900.905.412
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn	-	6.809.851.418
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	48.539.975	421.124.612
Dự phòng/(Hoàn nhập) giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	27.101.866	(5.198.772.950)
Chi phí tài chính khác	36.770.841	3.386.578
Cộng	26.391.194.595	43.479.881.981

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**5. Chi phí bán hàng**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	-	202.348.978
Chi phí vật liệu, bao bì	294.670.005	672.328.685
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	209.826.764	322.285.485
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.096.640.832	7.455.213.850
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.658.881.976	16.246.747.330
Các chi phí khác	159.319.907	991.871.145
Cộng	11.419.339.484	25.890.795.473

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	9.334.469.296	15.960.652.716
Chi phí vật liệu quản lý	264.575.125	530.033.325
Chi phí đồ dùng văn phòng	148.265.723	201.270.585
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.305.169.847	2.668.396.856
Thuế, phí và lệ phí	439.317.392	455.695.215
Dự phòng phải thu khó đòi	33.063.888.142	39.777.492.425
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.292.801.011	2.392.070.264
Các chi phí khác	2.939.099.444	3.563.969.601
Cộng	50.787.585.980	65.549.580.987

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	1.170.545.456	22.294.443.629
Thu nhập từ thanh lý công cụ, dụng cụ	343.611.868	323.052.184
Thu nhập từ hỗ trợ lãi suất của Chính Phủ	2.904.982.000	1.878.106.000
Thu nhập từ phạt vi phạm hợp đồng	681.637.500	628.310.480
Thu nhập khác	387.474.108	671.170.354
Cộng	5.488.250.932	25.795.082.647

8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	3.650.856.884
Chi phí thanh lý công cụ, dụng cụ	-	115.648.611
Phạt do vi phạm hợp đồng	2.393.305.000	411.810.000
Thuế bị phạt, bị truy thu	281.275.303	573.805.837
Chi phí môi giới	560.000.000	-
Chi phí khác	930.777.327	60.406.625
Cộng	4.165.357.630	4.812.527.957

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoãn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	168.724.539	259.620.530
Cộng	168.724.539	259.620.530

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Lãi trên cổ phiếu

10a. Lãi cơ bản/ suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ	(74.059.791.280)	(63.630.110.833)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/ suy giảm trên cổ phiếu	(74.059.791.280)	(63.630.110.833)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	11.959.982	11.959.982
Lãi cơ bản/ suy giảm trên cổ phiếu	(6.192)	(5.320)

Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi cơ bản/ suy giảm trên cổ phiếu được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	11.959.982	11.959.982
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi cơ bản/ suy giảm trên cổ phiếu	11.959.982	11.959.982

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	173.576.393.205	776.909.696.757
Chi phí nhân công	9.862.548.659	19.023.453.641
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.852.403.479	15.891.396.856
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.636.932.249	25.017.893.940
Chi phí khác	36.162.307.493	44.336.333.171
Cộng	238.090.585.085	881.178.774.365

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

1. Tiền thu từ đi vay

Tiền thu từ đi vay là tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường 201.683.195.158 VND.

2. Tiền trả nợ gốc vay

Tiền trả nợ gốc vay là tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường 295.537.094.064 VND.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Tài sản tiềm tàng

Một số khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng tại ngày 31/12/2015 có giá trị 108.371.269.195 VND Công ty cổ phần lương thực thực phẩm Vĩnh Long đã nộp đơn khởi kiện và đã có quyết định xử lý của Tòa án và một số khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng tại 31/12/2015 có giá trị 11.169.167.006 VND Công ty đang tiến hành khởi kiện và hi vọng sẽ được thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Nợ tiềm tàng

Công ty cổ phần lương thực thực phẩm Vĩnh Long đã thực hiện vụ kiện Cục thuế tỉnh Vĩnh Long về khoản thuế thu nhập doanh nghiệp bị truy thu với số tiền 31.347.563.097 VND. Mặc dù, Tòa án tỉnh Vĩnh Long đã ra phán quyết Công ty thắng kiện nhưng Cục thuế tỉnh Vĩnh Long đã kháng cáo lên Tòa án nhân dân tối cao. Đến thời điểm kết thúc năm tài chính này, vẫn chưa có phán quyết của Tòa án nhân dân tối cao về khoản thuế thu nhập doanh nghiệp bị truy thu này. Hiện tại, Công ty đang ghi nhận khoản thuế bị truy thu này vào chỉ tiêu Phải thu ngắn hạn khác. Nếu như Tòa án nhân dân tối cao ra phán quyết Công ty thắng kiện thì Công ty sẽ thu hồi lại tiền thuế bị truy thu này, trường hợp ngược lại Công ty phải ghi nhận khoản thuế bị truy thu này vào chi phí của Công ty.

3. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

3a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt của Công ty cổ phần lương thực thực phẩm Vĩnh Long

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	958.300.000	1.615.446.154
Phụ cấp	3.450.000	77.250.000
Cộng	961.750.000	1.692.696.154

3b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty TNHH thương mại Sài Gòn - Vĩnh Long	Công ty liên kết
Công ty TNHH một thành viên - Tổng công ty lương thực Miền Nam	Cổ đông lớn
Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Nguyễn Kim	Cổ đông lớn
Công ty lương thực thực phẩm An Giang	Công ty con của cổ đông lớn
Công ty lương thực Sóc Trăng	Công ty con của cổ đông lớn
Công ty lương thực Bến Tre	Công ty con của cổ đông lớn
Công ty lương thực Long An	Công ty con của cổ đông lớn
Công ty lương thực Bạc Liêu	Công ty con của cổ đông lớn
Công ty lương thực Đồng Tháp	Công ty con của cổ đông lớn
Công ty lương thực Trà Vinh	Công ty con của cổ đông lớn
Công ty lương thực Vĩnh Long	Công ty con của cổ đông lớn
Công ty lương thực Sông Hậu	Công ty con của cổ đông lớn

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty TNHH một thành viên lương thực TP. Hồ Chí Minh	Công ty con của cổ đông lớn
Công ty cổ phần xuất nhập khẩu nông sản thực phẩm Cà Mau	Công ty con của cổ đông lớn
Công ty cổ phần Docimexco	Công ty con của cổ đông lớn

Giao dịch với các bên liên quan khác

Giao dịch phát sinh với công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2b. Các giao dịch phát sinh giữa Tập đoàn với các bên liên quan khác không phải là công ty liên kết như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH một thành viên - Tổng công ty lương thực Miền Nam	45.713.945.530	77.349.989.515
<i>Doanh thu bán hàng lương thực</i>	<i>45.412.936.860</i>	<i>76.662.445.178</i>
<i>Phí giao nhận hàng hóa, phí ủy thác xuất khẩu</i>	<i>301.008.670</i>	<i>687.544.337</i>
Công ty lương thực thực phẩm An Giang	101.503.600	-
<i>Doanh thu bán bao bì</i>	<i>101.503.600</i>	-
Công ty lương thực Sóc Trăng	71.194.200	-
<i>Doanh thu bán bao bì</i>	<i>71.194.200</i>	-
Công ty lương thực Bến Tre	16.143.995.000	25.262.541.750
<i>Doanh thu bán hàng lương thực</i>	<i>16.143.995.000</i>	<i>25.262.541.750</i>
Công ty lương thực Long An	-	64.178.300.000
<i>Doanh thu bán hàng lương thực</i>	-	<i>14.400.000.000</i>
<i>Mua hàng lương thực</i>	-	<i>49.778.300.000</i>
Công ty lương thực Bạc Liêu	-	4.028.622.500
<i>Doanh thu bán hàng lương thực</i>	-	<i>4.028.622.500</i>
Công ty lương thực Đồng Tháp	-	17.151.267.500
<i>Doanh thu bán hàng lương thực</i>	-	<i>17.151.267.500</i>
Công ty lương thực Trà Vinh	-	39.726.000
<i>Doanh thu bán hàng lương thực</i>	-	<i>39.726.000</i>
Công ty lương thực Vĩnh Long	101.604.800	113.164.817
<i>Doanh thu bán hàng lương thực, bao bì</i>	<i>101.604.800</i>	<i>46.230.000</i>
<i>Mua hàng lương thực</i>	-	<i>66.934.817</i>
Công ty lương thực Sông Hậu	64.256.000	11.755.710.420
<i>Doanh thu bán hàng lương thực</i>	-	<i>11.639.700.000</i>
<i>Nhập mua bao PP</i>	<i>64.256.000</i>	<i>86.203.500</i>
<i>Phí giao nhận hàng hóa</i>	-	<i>29.806.920</i>
Công ty TNHH một thành viên lương thực TP. Hồ Chí Minh	-	261.000.000
<i>Doanh thu bán hàng lương thực</i>	-	<i>261.000.000</i>
Công ty cổ phần xuất nhập khẩu nông sản thực phẩm Cà Mau	-	54.332.500
<i>Doanh thu bán bao bì</i>	-	<i>54.332.500</i>

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.6, V.13 và V.14.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ.

4a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động của Tập đoàn chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh lương thực.

4b. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Tập đoàn được phân bố chủ yếu ở khu vực trong nước và khu vực nước ngoài.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Năm nay	Năm trước
Khu vực trong nước	127.729.135.571	482.995.705.663
Khu vực nước ngoài	81.420.521.860	319.548.837.230
Cộng	209.149.657.431	802.544.542.893

Chi tiết về chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và tài sản bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của tài sản như sau:

	Chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		Tài sản bộ phận	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Khu vực trong nước	226.182.622	1.951.382.000	165.928.972.224	293.440.551.080
Khu vực nước ngoài	-	-	-	-
Cộng	226.182.622	1.951.382.000	165.928.972.224	293.440.551.080

5. Số liệu so sánh

5a. Áp dụng chế độ kế toán mới

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Tập đoàn đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 "Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con". Tập đoàn đã trình bày lại các số liệu so sánh theo quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp mới này.

6. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Tập đoàn phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

6a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tập đoàn.

Tập đoàn có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Phải thu khách hàng

Tập đoàn giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là cao và Tập đoàn đang tiến hành khởi kiện một số khách hàng đã quá hạn thanh toán (xem thuyết minh V.3).

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Tập đoàn được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VIII.7 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.699.514.747	-	-	-	4.699.514.747
Chứng khoán kinh doanh	-	11.250.882	-	-	11.250.882
Phải thu khách hàng	5.585.574.250	-	-	114.844.804.000	120.430.378.250
Các khoản cho vay	-	-	-	-	-
Các khoản phải thu khác	33.912.081.498	-	-	173.159.046	34.085.240.544
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	1.500.000.000	10.000.000.000	-	-	11.500.000.000
Cộng	45.697.170.495	10.011.250.882	-	115.017.963.046	170.726.384.423
Số đầu năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.233.249.885	-	-	-	10.233.249.885
Chứng khoán kinh doanh	-	11.250.882	-	-	11.250.882
Phải thu khách hàng	13.451.692.769	-	-	118.471.065.554	131.922.758.323
Các khoản phải thu khác	33.991.139.461	-	-	-	33.991.139.461
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	1.500.000.000	10.000.000.000	-	-	11.500.000.000
Cộng	59.176.082.115	10.011.250.882	-	118.471.065.554	187.658.398.551

6b. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Phải trả người bán	295.000	-	-	295.000
Vay và nợ	181.445.149.449	-	-	181.445.149.449
Các khoản phải trả khác	11.912.458.528	-	946.688.725	12.859.147.253
Cộng	193.357.902.976	-	946.688.725	194.304.591.701
Số đầu năm				
Phải trả người bán	10.282.458	-	-	10.282.458
Vay và nợ	231.161.062.300	40.244.437.000	-	271.405.499.300
Các khoản phải trả khác	699.304.121	-	1.713.618.451	2.412.922.572
Cộng	231.870.648.879	40.244.437.000	1.713.618.451	273.828.704.330

Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là khá cao. Tập đoàn có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

6c. *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Tập đoàn gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro giá hàng hóa, nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 01 tháng 01 năm 2015 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán, giá hàng hóa, nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn xuất khẩu sản phẩm với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Tập đoàn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	USD	USD
Tiền và các khoản tương đương tiền	20.124,38	28.608,39
Phải thu khách hàng	10.777,20	38.457,50
Vay và nợ	(1.609.165,00)	(2.389.700,00)
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ	(1.578.263,42)	(2.322.634,11)

Tại ngày kết thúc năm tài chính, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu tỷ giá hối đoái giữa VND và USD tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Tập đoàn sẽ giảm/tăng 708.892.797 VND (cùng kỳ năm trước giảm/tăng 992.647.366 VND).

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn, và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Công ty như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	USD	VND	USD
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.300.000.000	-	850.000.000	
Vay và nợ	(177.599.875.344)	(1.609.165,00)	(204.584.437.000)	(2.389.700,00)
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần	(174.299.875.344)	(1.609.165,00)	(203.734.437.000)	(2.389.700,00)

Tại ngày kết thúc năm tài chính, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Tập đoàn sẽ giảm/tăng 3.485.997.507 VND (năm trước giảm/tăng 4.074.688.740 VND).

Tại ngày kết thúc năm tài chính, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay USD có lãi suất thả nổi tăng/giảm 1% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Tập đoàn sẽ giảm/tăng 361.386.276 VND (năm trước giảm/tăng 510.654.993 VND).

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Tập đoàn nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết của Tập đoàn tại ngày kết thúc năm tài chính là 1.240.500 VND (số đầu năm là 1.472.100 VND).

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể do khoản đầu tư chứng khoán có giá trị nhỏ.

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Rủi ro về giá hàng hóa, nguyên vật liệu

Tập đoàn có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa, nguyên vật liệu. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá hàng hóa, nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Tập đoàn chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa, nguyên vật liệu.

6d. *Tài sản đảm bảo*

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Tập đoàn thế chấp khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Vĩnh Long và Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Tiền Giang (xem thuyết minh số V.3). Giá trị sổ sách của tài sản thế chấp tại ngày kết thúc năm tài chính là 116.977.132.291 VND (số đầu năm là 126.884.221.335 VND).

Tập đoàn sẽ được giải chấp các tài sản thế chấp khi đã hoàn tất nghĩa vụ trả nợ. Không có các điều khoản và điều kiện đặc biệt liên quan đến việc sử dụng các tài sản thế chấp này.

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Tập đoàn không nhận tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và tại ngày 01 tháng 01 năm 2015.

7. *Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính*

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.699.514.747	-	10.233.249.885	-	4.699.514.747	10.233.249.885
Chứng khoán kinh doanh	11.250.882	(10.010.382)	11.250.882	(9.778.782)	1.240.500	1.472.100
Phải thu khách hàng	120.430.378.250	(78.980.533.339)	131.922.758.323	(42.839.681.530)	41.449.844.911	89.083.076.793
Các khoản phải thu khác	34.085.240.544	-	33.991.139.461	-	34.085.240.544	33.991.139.461
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	11.500.000.000	(1.227.618.805)	11.500.000.000	(1.209.640.002)	10.272.381.195	10.290.359.998
Cộng	170.726.384.423	(80.218.162.526)	187.658.398.551	(44.059.100.314)	90.508.221.897	143.599.298.237

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán	295.000	10.282.458	295.000	10.282.458
Vay và nợ	177.599.875.344	271.405.499.300	177.599.875.344	271.405.499.300
Các khoản phải trả khác	12.859.147.253	2.412.922.572	12.859.147.253	2.412.922.572
Cộng	190.459.317.597	273.828.704.330	190.459.317.597	273.828.704.330

Phương pháp xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tập đoàn sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc năm tài chính. Đối với các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết nhưng có giá giao dịch do 03 công ty chứng khoán công bố tại ngày kết thúc năm tài chính thì giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do 03 công ty chứng khoán công bố.
- Giá trị hợp lý của vay và các khoản phải trả khác dài hạn được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự.

Tập đoàn chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

8. Thông tin về hoạt động liên tục

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 Tập đoàn tiếp tục bị lỗ 74.059.791.280 VND và khoản lỗ lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 155.432.606.416 VND. Ngoài ra, tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn 102.037.409.046 VND. Các yếu tố này có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn.

Tuy nhiên, Tập đoàn đã làm việc với các ngân hàng để gia hạn các khoản nợ vay và các cổ đông cùng các bên có liên quan của Tập đoàn cũng cam kết sẽ hỗ trợ tài chính cho Tập đoàn bằng cách sẽ cơ cấu lại nguồn vốn để Tập đoàn có thể thanh toán các khoản nợ trong thời gian sớm nhất. Do vậy Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 vẫn được lập dựa trên giả thiết Tập đoàn hoạt động kinh doanh liên tục.

9. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Vĩnh Long, ngày 01 tháng 3 năm 2016

Phạm Thị Cẩm Nhung
Người lập biểu

Phan Ngọc Bình
Kế toán trưởng



Trần Thanh Hùng
Tổng Giám đốc